CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("Luật Doanh nghiệp");*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi bổ sung ngày 29/11/2024 ("Luật Chứng khoán");*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("Nghị định 245");*
- *Căn cứ Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05/6/2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế ("Nghị định 200");*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Công ty") như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm; và*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ("ĐHĐCĐ") Bất Thường năm 2026 số 04/BBH/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 29/10/2026 và các nội dung nêu tại Tờ trình số 01/TT/ĐHĐCĐ/DMX của Hội Đồng Quản Trị ("HĐQT") ngày 07/10/2026 ("Tờ Trình").*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU 1. Thông qua chính sách chi trả cổ tức bằng tiền năm 2026.

ĐHĐCĐ thông qua chính sách chi trả cổ tức bằng tiền năm 2026 cho các cổ đông hiện hữu như được nêu tại Tờ Trình, chi tiết như sau:

1.1	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
1.2	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
1.3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	:	Tối thiểu bằng 50% lợi nhuận sau thuế năm 2026 thuộc về cổ đông của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất
1.4	Đối tượng chi trả	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền
1.5	Nguồn vốn thực hiện	:	Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty
1.6	Phương thức chi trả cổ tức	:	Chi trả bằng tiền

DRAFT

1.7 Thời gian dự kiến chi trả:

1.7.1 Tạm ứng cổ tức căn cứ kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026: mức tạm ứng 2.000 đồng/cổ phiếu, dự kiến thực hiện trong tháng 12/2026.

1.7.2 Quyết toán cổ tức căn cứ kết quả kinh doanh cả năm 2026: HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ Thường Niên năm 2027 thông qua tổng mức cổ tức bằng tiền chính thức của năm 2026.

1.8 Ủy quyền cho HĐQT:

1.8.1 Quyết định ngày đăng ký cuối cùng (chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức) và thời gian cụ thể thực hiện tạm ứng cổ tức.

1.8.2 Toàn quyền quyết định, xử lý các vấn đề kỹ thuật, các tình huống phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện tạm ứng cổ tức (bao gồm cả việc điều chỉnh mức chi trả mỗi đợt và thay đổi thời gian chi trả nếu cần thiết để đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và cổ đông), trên cơ sở vẫn đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại mục 1.3.

1.8.3 Lập hồ sơ, ký kết các văn bản, chứng từ và thực hiện mọi thủ tục pháp lý cần thiết với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất việc tạm ứng cổ tức theo đúng quy định của pháp luật.

1.8.4 HĐQT có quyền ủy quyền lại cho Chủ Tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám Đốc Công ty thực hiện một hoặc toàn bộ các công việc cụ thể nêu trên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 2. Thông qua Phương án chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ ("Chương Trình TPCQ").

ĐHĐCĐ thông qua Phương án chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ tại thị trường trong nước của Công ty ("Tổ Chức Phát Hành") theo nội dung chi tiết tại các Phụ lục đính kèm Nghị quyết này gồm:

- Phụ lục I: Phương Án Phát Hành Trái Phiếu Kèm Chứng Quyền Riêng Lẻ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Phương Án Phát Hành")
- Phụ lục II: Danh Sách Người Tham Gia Chương Trình TPCQ;
- Phụ lục III: Ngành Nghề Đăng Ký Kinh Doanh Của Công Ty;
- Phụ lục IV: Ví Dụ Minh Họa Việc Xác Định Số Lượng Chứng Quyền Được Thực Hiện.

2.1 Các nội dung chính của Phương Án Phát Hành:

Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	:	Tối đa 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)
Loại trái phiếu	:	Trái phiếu không chuyển đổi, kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc, lãi bởi ngân hàng.
Số lượng trái phiếu chào bán dự kiến	:	Tối đa 1.000 (Một nghìn) trái phiếu

Số đợt chào bán dự kiến	:	01 (một) đợt
Kỳ hạn trái phiếu	:	05 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu (“Ngày phát hành”)
Lãi suất danh nghĩa trái phiếu	:	Cố định 8%/năm cho cả kỳ hạn trái phiếu
Phương thức trả gốc	:	Trả gốc trái phiếu 01 (một) lần vào ngày đáo hạn trái phiếu hoặc ngày mua lại trước hạn Trái phiếu.
Phương thức trả lãi	:	Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 1 (một) năm/lần kể từ Ngày phát hành.
Bảo lãnh thanh toán	:	Toàn bộ gốc và lãi Trái Phiếu được Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình bảo lãnh thanh toán. ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định và hoàn thiện các nội dung chi tiết của bảo lãnh thanh toán, bảo đảm phù hợp với Phương Án Phát Hành và quy định pháp luật.
Đối tượng mua trái phiếu	:	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân trong nước đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định 200, đồng thời là Ban lãnh đạo và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và công ty con/công ty liên doanh đáp ứng đầy đủ điều kiện tham gia Chương trình tại thời điểm đăng ký mua trái phiếu như sau: - Nhóm 1 – Tổng Giám đốc; - Nhóm 2 – Giám đốc Bán hàng toàn quốc, Giám đốc Phát triển kinh doanh, Giám đốc Trải nghiệm Khách hàng, Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công ty con/ Công ty liên doanh; - Nhóm 3 – Giám đốc Khối phục vụ; Giám đốc Bán hàng Công ty con/ Công ty liên doanh

DRAFT

Mục đích phát hành	:	Cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể: Tổ chức phát hành dự kiến thu tối đa 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) từ đợt chào bán, giả định chào bán thành công 1.000 trái phiếu với giá chào bán 100.000.000 đồng/trái phiếu. Số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán một phần nghĩa vụ nợ phát sinh từ khoản vay với Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số FL/091/25 ngày 31/8/2025 ("Hợp Đồng Vay"). Giá trị hạn mức theo Hợp Đồng Vay là 113.908.003.638 đồng. Giá trị khoản vay phát sinh từ Hợp Đồng Vay là 113.908.003.638 đồng. Kỳ hạn: 184 ngày, kể từ ngày giải ngân 04/8/2026 Dư nợ vay tại ngày 04/09/2026: 113.908.003.638 đồng Mục đích vay nợ: bổ sung vốn lưu động Việc giải ngân phải được thực hiện phù hợp với lịch đến hạn, thỏa thuận gia hạn, tái cấp hoặc văn bản xác nhận nghĩa vụ trả nợ của MUFG Bank, Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh còn hiệu lực tại thời điểm giải ngân. Trước ngày chào bán, HĐQT có trách nhiệm cập nhật dư nợ, ngày đến hạn, số tiền dự kiến thanh toán và tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn trong hồ sơ và nội dung công bố thông tin.
Tổng số lượng chứng quyền phát hành	:	100.000 chứng quyền (mỗi trái phiếu kèm 100 chứng quyền)
Tổng số lượng cổ phần phát hành theo chứng quyền	:	Tối đa 126.700.000 cổ phần, tương ứng tối đa 1.267 cổ phần/chứng quyền và được điều chỉnh chống pha loãng theo Khoản 10 Mục IV Phụ lục I của Nghị quyết này.

DRAFT

Giá và phương pháp tính giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền	:	Giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền ban đầu là 74.000 đồng/cổ phiếu (sau đây gọi tắt là "Giá Mua Cổ Phiếu"). Giá Mua Cổ Phiếu khi thực hiện chứng quyền sẽ được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo quy định tại Khoản 10 Mục IV Phụ lục I của Nghị quyết này.
Các nội dung khác	:	Trình bày chi tiết tại các Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

2.2 Thông qua việc tăng vốn điều lệ, đăng ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành để thực hiện chứng quyền theo Mục X của Phương Án Phát Hành.

2.3 Giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc chi tiết tại các Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

ĐIỀU 3. Giao HĐQT tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết này theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN ĐỨC TÀI

DRAFT

PHỤ LỤC I

ĐÍNH KÈM NGHỊ QUYẾT SỐ 04/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH ("PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH")

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA VIỆC PHÁT HÀNH

- *Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*
- *Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;*
- *Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05/6/2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;*
- *Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;*
- *Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Công ty").*

II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

Tên đầy đủ	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
Loại hình doanh nghiệp	:	Công ty cổ phần
Trụ sở chính	:	128 Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	028 3812 5960
Website	:	https://www.dmx.vn/
Vốn điều lệ	:	12.677.220.000.000 (Mười hai nghìn sáu trăm bảy mươi bảy tỷ hai trăm hai mươi triệu) đồng

DRAFT

Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2007, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh thay đổi lần thứ 34 ngày 08 tháng 07 năm 2026
Ngành nghề kinh doanh	:	Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm Nghị quyết này
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông. Mã ngành: 4740
Mã số thuế	:	0303217354
Thông tin tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán	:	**Tên tài khoản:** Công ty Cổ Phần Đầu Tư Điện Máy Xanh **Số tài khoản:** 1072066071 **Loại tiền tệ:** Việt Nam Đồng (VNĐ) **Tại Ngân hàng:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tân Bình

III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ

1. Phương án chào bán

1.1	Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
1.2	Tên trái phiếu	:	Trái phiếu DMXL52601
1.3	Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá	:	Tối đa 100.000.000.000 *(Một trăm tỷ đồng)*
1.4	Loại trái phiếu	:	Trái phiếu không chuyển đổi, kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc, lãi bởi ngân hàng.
1.5	Số lượng trái phiếu chào bán dự kiến	:	Tối đa 1.000 (Một nghìn) trái phiếu
1.6	Số đợt chào bán dự kiến	:	01 (một) đợt
1.7	Phương thức phát hành	:	Đại lý phát hành theo phương thức phát hành riêng lẻ và theo quy định của pháp luật

DRAFT

1.8	Mệnh giá trái phiếu	:	100.000.000 đồng/trái phiếu
1.9	Giá chào bán	:	100% mệnh giá
1.10	Loại tiền chào bán và thanh toán	:	Đồng Việt Nam (VNĐ)
1.11	Phương thức chào bán	:	Chào bán riêng lẻ
1.12	Thời điểm chào bán	:	Thời điểm chào bán dự kiến trong khoảng từ Q4/2026 đến Q2/2027. HĐQT quyết định thời điểm chào bán cụ thể sau khi Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán và hoàn tất các hồ sơ, thủ tục, công bố thông tin theo quy định pháp luật; việc chào bán phải được hoàn thành trong thời hạn pháp luật cho phép kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán hoặc kể từ thời điểm hồ sơ chào bán có hiệu lực, tùy trường hợp áp dụng.
1.13	Mục đích phát hành	:	Cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể: Tổ chức phát hành dự kiến thu tối đa 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) từ đợt chào bán, giả định chào bán thành công 1.000 trái phiếu với giá chào bán 100.000.000 đồng/trái phiếu. Số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán một phần nghĩa vụ nợ phát sinh từ khoản vay với Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số FL/091/25 ngày 31/8/2025 (“Hợp Đồng Vay”). Giá trị hạn mức theo Hợp Đồng Vay là 113.908.003.638 đồng. Giá trị khoản vay phát sinh từ Hợp Đồng Vay là 113.908.003.638 đồng. Kỳ hạn: 184 ngày, kể từ ngày giải ngân 04/8/2026 Dư nợ vay tại ngày 04/09/2026: 113.908.003.638 đồng Mục đích vay nợ: bổ sung vốn lưu động Việc giải ngân phải được thực hiện phù hợp với lịch đến hạn, thỏa thuận gia hạn, tái cấp hoặc văn bản xác nhận nghĩa vụ trả nợ của MUFG Bank, Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh còn hiệu lực tại thời điểm giải ngân. Trước ngày chào bán, HĐQT có trách nhiệm cập nhật dư nợ, ngày đến hạn, số tiền dự kiến

DRAFT

			thanh toán và tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn trong hồ sơ và nội dung công bố thông tin.
1.14	Đối tượng mua trái phiếu	:	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân trong nước đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định 200, đồng thời là Ban lãnh đạo và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và công ty con/công ty liên doanh đáp ứng đầy đủ điều kiện tham gia Chương trình tại thời điểm đăng ký mua trái phiếu như sau: - Nhóm 1 – Tổng Giám đốc; - Nhóm 2 – Giám đốc Bán hàng toàn quốc, Giám đốc Phát triển kinh doanh, Giám đốc Trải nghiệm Khách hàng, Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công ty con/ Công ty liên doanh; - Nhóm 3 – Giám đốc Khối phục vụ; Giám đốc Bán hàng Công ty con/ Công ty liên doanh
1.15	Kỳ hạn trái phiếu	:	05 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu (“Ngày phát hành”)
1.16	Ngày đáo hạn	:	05 năm kể từ Ngày phát hành
1.17	Lãi suất danh nghĩa trái phiếu	:	Cố định 8%/năm cho cả kỳ hạn trái phiếu
1.18	Phương thức trả gốc	:	Trả gốc trái phiếu 01 (một) lần vào ngày đáo hạn trái phiếu hoặc ngày mua lại trước hạn Trái phiếu.
1.19	Phương thức trả lãi	:	Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 1 (một) năm/lần kể từ Ngày phát hành.
1.20	Tài sản đảm bảo	:	Không có tài sản bảo đảm
1.21	Xếp hạng tín nhiệm	:	Trái phiếu được xếp hạng tín nhiệm. ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định chi tiết về việc thực hiện xếp hạng tín nhiệm.
1.22	Bảo lãnh thanh toán	:	Toàn bộ gốc và lãi Trái Phiếu được Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình bảo lãnh thanh toán. ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định và hoàn thiện các nội dung chi tiết của bảo lãnh thanh toán, bảo đảm phù hợp với Phương án này và quy định pháp luật.
1.23	Tổ chức bảo lãnh thanh toán	:	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình

DRAFT

1.24	Tổng giá trị Trái phiếu được bảo lãnh thanh toán	:	Giá trị nghĩa vụ được bảo lãnh thanh toán bao gồm tối đa 100.000.000.000 đồng tiền gốc Trái Phiếu thực tế phát hành và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc đó theo Điều Khoản Trái Phiếu cho đến khi nghĩa vụ được thanh toán đầy đủ, cùng các khoản khác nếu được quy định tại văn bản bảo lãnh. Giá trị, thời hạn và phạm vi bảo lãnh cụ thể được xác định tại thư bảo lãnh hoặc hợp đồng bảo lãnh hợp lệ và phải thống nhất với nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.
1.25	Kế hoạch bố trí nguồn vốn thanh toán gốc và lãi trái phiếu	:	Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn.
1.26	Chuyển nhượng trái phiếu	:	Trái phiếu không được phép chuyển nhượng trong suốt thời hạn trái phiếu, trừ trường hợp để lại thừa kế theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
1.27	Tổ chức tư vấn	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
1.28	Đại lý phát hành	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
1.29	Đăng ký, lưu ký	:	Trái phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
1.30	Đại diện người sở hữu trái phiếu	:	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT (i) quyết định và lựa chọn Đại diện người sở hữu trái phiếu đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 11 Nghị định 200, và (ii) lựa chọn, đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận với Đại diện người sở hữu trái phiếu, trừ trường hợp thay đổi các điều khoản hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định 200.
1.31	Thuế	:	Các khoản thanh toán liên quan đến Trái phiếu sẽ phải nộp hay khấu trừ thuế (nếu có) trước khi thanh toán theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

DRAFT

2. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu

Toàn bộ số tiền Tổ chức phát hành dự kiến thu được từ đợt chào bán là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) (*) sẽ được dùng để cơ cấu lại khoản nợ phát sinh từ khoản vay Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số FL/091/25 ngày 31/8/2025 có giá trị hợp đồng hạn mức là 113.908.003.638 đồng, giá trị khoản vay phát sinh từ hợp đồng là 113.908.003.638 đồng, kỳ hạn 184 ngày tính từ ngày bắt đầu giải ngân là ngày 04/8/2026.

Tiến độ thanh toán khoản nợ dự kiến trong Quý I – Quý II/2027. *(*) Giả định tổng số lượng trái phiếu chào bán thành công là 1.000 trái phiếu với giá chào bán là 100.000.000 đồng/trái phiếu.*

Phụ thuộc vào số tiền thực tế Tổ chức phát hành thu được từ đợt chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT căn cứ vào tình hình cụ thể của Công ty để xây dựng Phương án sử dụng vốn chi tiết theo đúng mục đích phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm cả việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán tạm thời nhàn rỗi do chưa đến thời hạn giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn để gửi tiền tại ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài, mua chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông, và tuân thủ các quy định pháp luật. Công ty đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích phát hành tại phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư khi đến thời điểm giải ngân theo tiến độ.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:

Trong trường hợp Tổ chức phát hành không huy động đủ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán, căn cứ vào tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ số tiền sử dụng vốn cho các mục đích sử dụng, đồng thời xem xét sử dụng linh hoạt nguồn vốn khác để bù đắp số tiền thiếu hụt trong tổng nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

3. Phương thức, quy trình lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu về việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, thay đổi mục đích phát hành trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn

3.1 Phương thức tổ chức lấy ý kiến: thông qua (i) biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (ii) lấy ý kiến bằng văn bản (văn bản giấy hoặc bỏ phiếu điện tử) theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (iii) một hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định nội dung chi tiết Phương thức tổ chức lấy ý kiến Người sở hữu trái phiếu.

DRAFT

3.2 Quy trình lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu:

- Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc việc tổ chức lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu bằng văn bản hoặc hình thức khác có thể được triệu tập, quyết định bởi (những) người có thẩm quyền triệu tập.
- Việc thay đổi các điều kiện, điều khoản của trái phiếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định 200, thay đổi mục đích phát hành tại Phương án Phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và tại nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư, chỉ được thực hiện khi đáp ứng các quy định sau:
  (i) Phải được ĐHĐCĐ thông qua;
  (ii) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;
  (iii) Tổ Chức Phát Hành đã hoàn thành việc mua lại trái phiếu trước hạn đối với những người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thay đổi mục đích phát hành tại phương án phát hành.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định các nội dung chi tiết về trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu phù hợp với quy định pháp luật.

4. Các trường hợp, điều kiện, điều khoản và cam kết của Tổ Chức Phát Hành về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

4.1 Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu theo thỏa thuận giữa Tổ Chức Phát Hành và người sở hữu trái phiếu

Ngoại trừ các trường hợp mua lại trước hạn bắt buộc quy định tại Khoản 4.2 và Khoản 4.3 dưới đây, Tổ Chức Phát Hành không chủ động mua lại Trái Phiếu trước hạn. Trường hợp phát sinh nhu cầu mua lại trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu theo thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu, phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu phải được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 200.

Việc mua lại trước hạn hoặc hoán đổi Trái phiếu (nếu có) sẽ làm mất hiệu lực của Chứng quyền kèm theo Trái phiếu đó. Trái phiếu sẽ bị hủy bỏ sau khi mua lại.

4.2 Mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu

Tổ Chức Phát Hành bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo yêu cầu của người sở hữu trái phiếu khi:

- Tổ Chức Phát Hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc

DRAFT

phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

- Tổ Chức Phát Hành thực hiện không đúng phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư mà Tổ Chức Phát Hành không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.
- Trong trường hợp này, Tổ Chức Phát Hành cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu của đợt phát hành có vi phạm đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mua lại của mỗi trái phiếu bằng tổng của mệnh giá trái phiếu và khoản lãi đã phát sinh (nhưng chưa được thanh toán) trên trái phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) ngày thực hiện nghĩa vụ mua lại.
- Việc mua lại Trái Phiếu (nếu có) của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp này sẽ làm mất hiệu lực của chứng quyền kèm theo Trái Phiếu đó. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi mua lại.

4.3 Mua lại trái phiếu của người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, thay đổi mục đích phát hành tại phương án phát hành như được quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định 200

- Tổ Chức Phát Hành bắt buộc mua lại trái phiếu của người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi điều kiện, điều khoản của Trái Phiếu hoặc việc thay đổi mục đích phát hành tại phương án phát hành, khi nội dung thay đổi đó được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.
- Trong trường hợp này, Tổ Chức Phát Hành cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu của người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu và việc thay đổi mục đích phát hành với giá mua lại của mỗi trái phiếu bằng tổng của mệnh giá trái phiếu và khoản lãi đã phát sinh (nhưng chưa được thanh toán) trên trái phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) ngày thực hiện nghĩa vụ mua lại.
- Mức giá mua lại, điều kiện mua lại cụ thể và các nội dung khác liên quan đến việc mua lại, hoán đổi trái phiếu được quy định cụ thể tại các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và các tài liệu giao dịch khác liên quan đến Trái Phiếu. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các nội dung này, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.
- Việc mua lại Trái Phiếu (nếu có) của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp này sẽ làm mất hiệu lực của chứng quyền kèm theo Trái Phiếu đó. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi mua lại.

DRAFT

5. Quyền và trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành

- Tuân thủ quy định tại Nghị định 200 và các quy định pháp luật liên quan;
- Sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích phát hành tại phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư và theo quy định của pháp luật;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và bảo đảm việc thực hiện các quyền kèm theo cho người sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của Trái Phiếu;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, hợp lệ của thông tin kê khai trong hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, tài liệu công bố thông tin trước đợt chào bán và về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán; có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư;
- Mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Khoản 4 Mục III Phương án phát hành này, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã công bố;
- Thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán, thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Bảo đảm người sở hữu trái phiếu được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo Trái Phiếu;
- Tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và quy định tại bản công bố thông tin chào bán Trái Phiếu.

IV. PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CHỨNG QUYỀN

1	Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
2	Tổng số lượng chứng quyền phát hành	:	100.000 chứng quyền (mỗi trái phiếu kèm 100 chứng quyền)

DRAFT

3	Điều kiện chuyển nhượng chứng quyền	:	Chứng quyền được phát hành kèm theo Trái phiếu và không được phép chuyển nhượng riêng biệt hoặc tách rời khỏi Trái Phiếu, trừ trường hợp Trái phiếu kèm chứng quyền được chuyển nhượng do để lại thừa kế theo quy định của pháp luật hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp đó, toàn bộ chứng quyền đã được HĐQT xác định là đủ điều kiện thực hiện quyền trước thời điểm chuyển nhượng tiếp tục có hiệu lực và được chuyển giao kèm Trái phiếu cho người nhận chuyển nhượng. Số chứng quyền chưa được HĐQT xác định là đủ điều kiện thực hiện quyền tự động hết hiệu lực tại thời điểm hoàn tất việc chuyển nhượng Trái Phiếu. Việc xác định thời điểm hoàn tất chuyển nhượng và cập nhật người sở hữu được thực hiện trên cơ sở xác nhận của tổ chức đăng ký, lưu ký và theo quy định pháp luật.
4	Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền	:	Mỗi chứng quyền được quyền mua 1.267 cổ phần phổ thông (“Số Cổ Phần Được Mua”) và được điều chỉnh chống pha loãng theo Khoản 10 Mục IV.
5	Tổng số lượng cổ phần phát hành theo chứng quyền	:	Tối đa 126.700.000 cổ phần, tương ứng tối đa 1.267 cổ phần/chứng quyền và được điều chỉnh chống pha loãng theo Khoản 10 Mục IV.
6	Loại cổ phần phát hành theo chứng quyền	:	Cổ phần phổ thông, được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền tại từng thời điểm có quy định hạn chế chuyển nhượng khác (“Cổ phần”)
7	Giá và phương pháp tính giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền	:	Giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền ban đầu là 74.000 đồng/cổ phiếu (sau đây gọi tắt là “Giá Mua Cổ Phiếu”). Giá Mua Cổ Phiếu khi thực hiện chứng quyền sẽ được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo quy định tại Khoản 10 Mục IV dưới đây.
8	Thời điểm thực hiện chứng quyền	:	Số lượng chứng quyền được phép thực hiện sẽ được xét hằng năm. Chứng quyền được coi là đủ điều kiện thực hiện sẽ được phép thực hiện trong vòng 24 (hai mươi bốn)

DRAFT

			tháng kể từ ngày HĐQT thông qua việc đáp ứng điều kiện thực hiện quyền của chứng quyền theo quy định tại Mục VI của Phương án phát hành này. Trường hợp thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng nói trên kết thúc sau ngày đáo hạn trái phiếu thì thời hạn thực hiện chứng quyền được tính đến ngày đáo hạn trái phiếu. Trong mọi trường hợp, thời hạn thực hiện chứng quyền không vượt quá ngày đáo hạn trái phiếu; phần chứng quyền chưa được thực hiện tính đến ngày đáo hạn trái phiếu đương nhiên hết hiệu lực và được hủy bỏ.
9	Trình tự, thủ tục thực hiện quyền mua cổ phần	:	Việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu chứng quyền theo từng đợt chỉ được thực hiện sau khi Công ty đáp ứng đầy đủ điều kiện phát hành, có đủ số lượng cổ phần được quyền chào bán và hoàn tất thủ tục báo cáo hoặc đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện. ĐHĐCĐ thông qua tổng số lượng cổ phần tối đa, nguyên tắc xác định số lượng cổ phần, Giá Mua Cổ Phiếu và mục đích sử dụng vốn theo Phương án này; HĐQT được ủy quyền quyết định số lượng thực tế, thời gian, danh sách người thực hiện quyền và hồ sơ từng đợt trong phạm vi đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trình tự thực hiện như sau: (i) HĐQT căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua, mức độ hoàn thành các Chỉ tiêu và các điều kiện thực hiện quyền tại Phương án này để ban hành nghị quyết xác định số lượng chứng quyền đủ điều kiện thực hiện và số lượng cổ phần được mua tương ứng; (ii) Công ty thông báo bằng văn bản cho từng người sở hữu chứng quyền đủ điều kiện thực hiện quyền, trong đó nêu rõ số lượng chứng quyền được thực hiện, số lượng cổ phần được mua, Giá Mua Cổ Phiếu, tổng số tiền phải thanh toán, tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần và thời hạn nộp tiền; (iii) người sở hữu chứng quyền thực hiện quyền bằng cách gửi thông báo thực hiện quyền theo mẫu của Công ty và nộp đủ tiền mua cổ phần trong thời hạn được thông báo; (iv) sau khi kết thúc thời hạn nộp tiền, Công ty tổng hợp kết quả thực hiện quyền, xác định số lượng cổ phần thực tế phát hành, thực hiện thủ tục báo cáo/đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật; và (v) sau khi hoàn tất việc phát hành,

			Công ty thực hiện cập nhật danh sách cổ đông, đăng ký thay đổi vốn điều lệ, đăng ký lưu ký/niêm yết bổ sung cổ phần phát hành thêm và công bố thông tin theo quy định pháp luật. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mẫu biểu, thời hạn cụ thể, hồ sơ chi tiết và các công việc cần thiết khác để triển khai trình tự nêu trên, bảo đảm phù hợp với Phương án này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật tại từng thời điểm.
10	Điều chỉnh chống pha loãng	:	Khi Công ty chi trả cổ tức bằng tiền mặt, chia cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, chia/tách/gộp cổ phiếu, phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu hoặc thực hiện giao dịch khác làm thay đổi tương ứng lợi ích kinh tế của cổ đông phổ thông, HĐQT xác định việc điều chỉnh số cổ phiếu được mua theo mỗi chứng quyền, hạn mức phát hành và/hoặc giá thực hiện quyền theo nguyên tắc bảo toàn hợp lý lợi ích kinh tế của người sở hữu chứng quyền và không làm vượt tỷ lệ pha loãng tối đa đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trong khoảng thời gian từ thời điểm phát hành chứng quyền cho đến khi thực hiện chứng quyền, để đảm bảo quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, Giá Mua Cổ Phiếu và Số Cổ Phần Được Mua khi thực hiện chứng quyền sẽ lần lượt được điều chỉnh trong các trường hợp sau: **Trường hợp 1:** áp dụng khi Tổ chức phát hành: (a) Trả cổ tức bằng tiền mặt; (b) Trả cổ tức bằng cổ phiếu; (c) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu; (d) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành; (e) Chia, tách, gộp cổ phiếu. Giá Mua Cổ Phiếu và Số Cổ Phần Được Mua sẽ được điều chỉnh tương ứng theo nguyên tắc bảo toàn hợp lý lợi ích kinh tế của người sở hữu chứng quyền theo công thức sau đây: $$Q_{đc} = Q_i * (1 + N)$$

DRAFT

$$P_{đc} = \frac{(P_i - CT)}{(1 + N)}$$

Trong đó:

$Q_{đc}$: Số Cổ Phần Được Mua điều chỉnh

Q_i : Số Cổ Phần Được Mua đang được áp dụng tại từng thời điểm

$P_{đc}$: Giá Mua Cổ Phiếu điều chỉnh

P_i : Giá Mua Cổ Phiếu đang được áp dụng tại từng thời điểm

CT : Mức chia cổ tức tiền mặt (đồng/cổ phiếu)

N : Tỷ lệ cổ phiếu phát hành mới được tính bằng tổng số cổ phiếu phát hành mới chia cho tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm xảy ra các sự kiện được nêu tại Trường hợp 1.

Trường hợp 2: áp dụng khi Tổ chức phát hành

(a) Mua lại cổ phiếu quỹ;

(b) Mua lại cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động;

(c) Các sự kiện khác làm giảm số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành mà giá tham chiếu cổ phiếu DMX trên Sở Giao dịch Chứng khoán không được điều chỉnh cho các sự kiện này.

Số Cổ Phần Được Mua cũng sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu quỹ được mua và Giá Mua Cổ Phiếu cũng sẽ được điều chỉnh theo nguyên tắc bảo toàn hợp lý lợi ích kinh tế của người sở hữu chứng quyền theo công thức sau đây:

$$Q_{đc} = Q_i \times (1 - CPQ)$$

$$P_{đc} = PR_{t-1} - \frac{(PR_{t-1} - P_i) \times Q_i}{Q_{đc}}$$

Trong đó:

$Q_{đc}$: Số Cổ Phần Được Mua điều chỉnh

Q_i : Số Cổ Phần Được Mua đang được áp dụng tại

DRAFT

			từng thời điểm $P_{đc}$: Giá Mua Cổ Phiếu điều chỉnh P_i : Giá Mua Cổ Phiếu đang được áp dụng tại từng thời điểm PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu DMX tại ngày giao dịch liền trước ngày thực hiện giao dịch mua lại cổ phiếu DMX tại Sở giao dịch chứng khoán. ***CPQ*** : Tỷ lệ cổ phiếu quỹ được tính bằng tổng số cổ phiếu quỹ được mua lại chia cho tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm trước khi hoàn tất giao dịch mua cổ phiếu quỹ. **Trường hợp 3:** áp dụng trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành. Trong trường hợp này, Số Cổ Phần Được Mua đang được áp dụng sẽ không được điều chỉnh, và Giá Mua Cổ Phiếu sẽ được điều chỉnh theo nguyên tắc bảo toàn hợp lý lợi ích kinh tế của người sở hữu chứng quyền theo công thức sau đây: $$P_{đc} = PR_t - (PR_{t-1} - P_i)$$ Trong đó: $P_{đc}$: Giá Mua Cổ Phiếu điều chỉnh P_i : Giá Mua Cổ Phiếu đang được áp dụng tại từng thời điểm PR_t : Giá tham chiếu của cổ phiếu DMX tại ngày giao dịch không hưởng các quyền nêu trên tại Sở giao dịch chứng khoán PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu DMX tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng các quyền nêu trên tại Sở Giao dịch Chứng khoán. **Trường hợp 4**: áp dụng cho các sự kiện khác (nếu có), không thuộc các trường hợp nêu trên, và được nêu tại các điều khoản và điều kiện của trái phiếu, các văn kiện giao dịch liên quan đến trái phiếu. Trong các trường hợp này, Số Cổ Phần Được Mua và

DRAFT

			Giá Mua Cổ Phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau đây: $$P_{đc} = \frac{P_i \times PR_t}{PR_{t-1}}$$ $$Q_{đc} = \frac{Q_i \times PR_{t-1}}{PR_t}$$ Trong đó: $Q_{đc}$: Số Cổ Phần Được Mua điều chỉnh Q_i : Số Cổ Phần Được Mua đang được áp dụng tại từng thời điểm $P_{đc}$: Giá Mua Cổ Phiếu điều chỉnh P_i : Giá Mua Cổ Phiếu đang được áp dụng tại từng thời điểm PR_t : Giá tham chiếu của cổ phiếu DMX tại ngày giao dịch không hưởng các quyền nêu trên tại Sở giao dịch chứng khoán PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu DMX tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng các quyền nêu trên tại Sở giao dịch chứng khoán Trong mọi trường hợp, Số Cổ Phần Được Mua được điều chỉnh trên nguyên tắc đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền không làm số lũy kế cổ phiếu phát hành thực hiện quyền trong suốt chương trình TPCQ vượt quá tỷ lệ pha loãng tối đa 10% tổng số lượng cổ phần đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu thực hiện quyền. Nếu kết quả áp dụng các công thức điều chỉnh chống pha loãng làm tổng số cổ phần dự kiến phát hành vượt giới hạn này, số cổ phần được mua theo mỗi chứng quyền được giảm theo tỷ lệ tương ứng để tổng số cổ phần phát hành không vượt giới hạn 10%; phần lẻ phát sinh được làm tròn xuống đến cổ phần nguyên. Việc áp dụng giới hạn này không làm tăng Giá Mua Cổ Phiếu và không làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường đối với phần quyền bị điều chỉnh để tuân thủ giới hạn pha loãng đã được ĐHĐCĐ thông qua.
11	Phương án sử dụng	:	Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tương ứng

DRAFT

	vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu thực hiện quyền		với các đợt thực hiện chứng quyền được sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay với các tổ chức tín dụng. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn từ việc phát hành cổ phiếu tương ứng với các đợt thực hiện chứng quyền tùy theo tình hình thực tế và chi tiết các khoản vay với các tổ chức tín dụng phát sinh tại thời điểm phát hành, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, lợi ích của Công ty và các cổ đông của Công ty.
12	Phương án bồi thường thiệt hại khi Tổ chức phát hành không thực hiện các điều kiện, điều khoản của chứng quyền	:	Khi chủ sở hữu chứng quyền đã hoàn thành trách nhiệm của họ liên quan đến chứng quyền, bao gồm trách nhiệm thanh toán theo thông báo nộp tiền mua cổ phần, nhưng Tổ Chức Phát Hành, vì bất kỳ lý do nào, không thực hiện phát hành cổ phần để đảm bảo quyền mua của người sở hữu chứng quyền theo phương án đã đề ra, Tổ Chức Phát Hành sẽ (i) hoàn trả giá thực hiện (nếu đã thanh toán) và (ii) thực hiện bồi thường bằng tiền mặt cho người sở hữu chứng quyền liên quan theo công thức sau: Tiền bồi thường = A x (B – C) *Trong đó:* **A** là số cổ phần lẽ ra chủ sở hữu chứng quyền phải được nhận (đã được điều chỉnh theo Khoản 10 Mục IV – Điều khoản chống pha loãng nêu trên) tính trên số chứng quyền thực hiện theo thông báo thực hiện. **B** là Giá đóng cửa của Cổ Phần trên Sở Giao dịch Chứng khoán vào ngày thông báo thực hiện. **C** là Giá Mua Cổ Phiếu (được điều chỉnh theo Khoản 10 Mục IV – Điều khoản chống pha loãng nêu trên). Với điều kiện là nếu giá trị (B – C) cho kết quả là số âm hoặc bằng 0 thì xem như không phát sinh nghĩa vụ bồi thường của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại điều này. Trường hợp người sở hữu chứng quyền được quyền thực hiện Chứng Quyền theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành, nhưng không nộp tiền mua cổ phiếu để thực hiện chứng quyền, thì chứng quyền đó đương nhiên hết hiệu lực và được hủy bỏ. Tổ Chức Phát

DRAFT

			Hành không phải bồi thường hoặc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ gì đối với người sở hữu chứng quyền khi chứng quyền hết hiệu lực. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thực hiện thủ tục bồi thường thiệt hại cho người sở hữu chứng quyền theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
13	Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	:	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu/phát hành cổ phiếu thực hiện quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

V. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHỨNG QUYỀN

1. Tỷ lệ thực hiện quyền (Tỷ lệ cổ phiếu phát hành để thực hiện chứng quyền, sau đây gọi tắt là "Tỷ lệ THQ") của mỗi năm đánh giá (2026–2030) xác định theo công thức:

Tỷ lệ THQ mỗi năm **(A)**	=	Tỷ lệ THQ theo Chỉ tiêu 1 – Tăng trưởng LNST **(B)**	+	Tỷ lệ THQ theo Chỉ tiêu 2 – Hiệu quả giá cổ phiếu DMX so với chỉ số VN30 **(C)**

2. Xác định tỷ lệ THQ theo Chỉ tiêu 1 – Tăng trưởng LNST

2.1 Nếu LNST thực hiện thấp hơn Nền LNST: **B = 0%**. Nếu LNST thực hiện bằng hoặc cao hơn Nền LNST, B được xác định theo công thức:

B (%) = 0,5% + [(LNST thực hiện ÷ Nền LNST) – 100%] × 5%

Theo đó, trường hợp LNST thực hiện thấp hơn Nền LNST thì không được hưởng Tỷ lệ B; nếu bằng Nền LNST thì Tỷ lệ B là 0,5%; nếu cao hơn Nền LNST thì Tỷ lệ B được cộng lũy tiến thêm 0,5% cho mỗi 10 (mười) điểm phần trăm cao hơn, tính theo tỷ lệ tương ứng đối với phần lẻ và được làm tròn đến 02 (hai) chữ số thập phân, tính theo điểm phần trăm.

Tỷ lệ B tối đa là 2%/năm. Số cổ phiếu và chứng quyền tương đương lần lượt là 25.354.440 cổ phiếu và 20.011 chứng quyền tính theo số cổ phiếu đang lưu hành và tỷ lệ cổ phiếu/chứng quyền tại ngày lập Phương án này và chỉ mang tính minh họa; số cổ phiếu thực tế được xác định theo công thức tại Khoản 4 Mục V trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm xác định điều kiện thực hiện quyền và

DRAFT

được điều chỉnh theo nguyên tắc chống pha loãng tại Khoản 10 Mục IV của Phương án này.

2.2 LNST thực hiện xác định theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của Công ty, sau khi loại trừ ảnh hưởng sau thuế của các khoản lợi nhuận bất thường. Lợi nhuận bất thường là các khoản lợi nhuận phát sinh một lần không đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, được phản ánh tại chỉ tiêu "Lợi nhuận khác" trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của Công ty. Do chỉ tiêu "Lợi nhuận khác" là chỉ tiêu trước thuế, ảnh hưởng sau thuế của khoản lợi nhuận bất thường được xác định theo công thức:

Ảnh hưởng sau thuế = Giá trị chỉ tiêu "Lợi nhuận khác" xác định trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của Công ty x (1 – Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp).

Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là mức thuế suất áp dụng cho năm tài chính tương ứng của Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của Công ty. Trường hợp trong năm tài chính áp dụng nhiều mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp khác nhau, mức thuế suất được sử dụng là mức thuế suất áp dụng tại thời điểm kết thúc niên độ.

2.3 Nền LNST của năm đánh giá bằng giá trị cao hơn giữa:

[1] LNST cam kết, chi tiết như bảng dưới:

Năm đánh giá	2026	2027	2028	2029	2030
LNST cam kết (tỷ đồng)	7.743	9.378	10.839	12.494	14.390

và

[2] LNST kế hoạch của năm đánh giá được ĐHĐCĐ thường niên thông qua hằng năm.

Ví dụ 1*: năm đánh giá 2026 có Nền LNST 7.743 tỷ đồng; nếu LNST thực hiện đạt 7.500 tỷ đồng (bằng 96,86% Nền LNST) thì B = 0%, tương đương 0 cổ phiếu và 0 chứng quyền.*

Ví dụ 2*: năm đánh giá 2026 có Nền LNST 7.743 tỷ đồng; nếu LNST thực hiện đạt 10.000 tỷ đồng (tức vượt Nền LNST 29,15%) thì B = 0,5% + 29,15% × 5% = 1,96% (đã làm tròn đến 2 (hai) chữ số thập phân), tương đương 24.847.351 cổ phiếu và 19.611 chứng quyền.*

Ví dụ 3*: năm đánh giá 2026 có Nền LNST 7.743 tỷ đồng; nếu LNST thực hiện đạt 11.615 tỷ đồng (tức vượt Nền LNST 50%) thì B = 0,5% + 50% × 5% = 3,0%. Do B vượt mức tối đa 2%/năm, tỷ lệ B được áp dụng là 2%, tương đương 25.354.440*

cổ phiếu và 20.011 chứng quyền (thay vì 38.031.660 cổ phiếu và 30.017 chứng quyền nếu không áp mức tối đa).

3. Xác định tỷ lệ THQ theo Chỉ tiêu 2 – Hiệu quả giá cổ phiếu DMX so với chỉ số VN30

3.1 Tỷ lệ C được xác định trên cơ sở hiệu số (Y) giữa tăng trưởng giá cổ phiếu DMX và tăng trưởng chỉ số VN30 của năm đánh giá, cụ thể: (i) nếu Y < 0, C = 0%; (ii) nếu Y = 0, C = 0,5%; (iii) nếu Y > 0, C = 0,5% + 0,1% × Y.

Y (điểm phần trăm) = D (%) – V (%)

Trong đó: (D) là tăng trưởng giá cổ phiếu DMX tính theo điểm phần trăm, và (V) là tăng trưởng chỉ số VN30 của năm đánh giá tính theo điểm phần trăm.

Theo đó, trường hợp tăng trưởng giá cổ phiếu DMX thấp hơn tăng trưởng chỉ số VN30 thì không được hưởng Tỷ lệ C; nếu bằng tăng trưởng chỉ số VN30 thì Tỷ lệ C là 0,5%; nếu cao hơn tăng trưởng chỉ số VN30 thì Tỷ lệ C được cộng lũy tiến thêm 0,1% cho mỗi 01 (một) điểm phần trăm cao hơn, tính theo tỷ lệ tương ứng đối với phần lẻ và được làm tròn đến 02 (hai) chữ số thập phân.

Tỷ lệ C tối đa là 1%/năm. Số cổ phiếu và chứng quyền tương đương lần lượt là 12.677.220 cổ phiếu và 10.005 chứng quyền tính theo số cổ phiếu đang lưu hành và tỷ lệ cổ phiếu/chứng quyền tại ngày lập Phương án này và chỉ mang tính minh họa; số cổ phiếu thực tế được xác định theo công thức tại Khoản 4 Mục V trên cơ sở số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm xác định điều kiện thực hiện quyền và được điều chỉnh theo nguyên tắc chống pha loãng tại Khoản 10 Mục IV của Phương án này.

3.2 Tăng trưởng giá cổ phiếu DMX **(D**) và tăng trưởng chỉ số VN30 **(V)** của năm đánh giá được tính như sau:

a. **Tăng trưởng giá cổ phiếu DMX (D)** được xác định theo công thức sau:

D (%) = [(Giá DMX bình quân năm đánh giá ÷ Giá DMX bình quân năm liền trướ̛c) – 1] × 100%

Trong đó, "Giá DMX bình quân" là trung bình cộng giá đóng cửa điều chỉnh của cổ phiếu DMX tại tất cả các phiên giao dịch thuộc năm tương ứng.

Riêng năm đánh giá 2026, do cổ phiếu DMX bắt đầu giao dịch từ ngày 06/08/2026, D được xác định theo công thức:

D (%) = [(Giá DMX bình quân từ ngày 06/08/2026 đến ngày 31/12/2026 ÷ Giá mở cửa điều chỉnh của cổ phiếu DMX tại ngày 06/08/2026) – 1] × 100%

Trong đó, "Giá DMX bình quân từ ngày 06/08/2026 đến ngày 31/12/2026" là trung bình cộng giá đóng cửa điều chỉnh của cổ phiếu DMX tại tất cả các phiên giao dịch trong giai đoạn này;

"Giá mở cửa điều chỉnh của cổ phiếu DMX tại ngày 06/08/2026" được tính bằng giá mở cửa phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu DMX là 80.000 đồng/cổ phiếu trừ đi tất cả các khoản cổ tức tiền mặt (nếu có) tính đến ngày 31/12/2026.

Ví dụ:

Từ ngày 06/08/2026 đến ngày 31/12/2026, DMX có 2 đợt chia cổ tức tiền mặt:

- *Đợt 1: 4.000 đồng/cổ phiếu*
- *Đợt 2: 2.000 đồng/cổ phiếu*

Theo đó, Giá mở cửa điều chỉnh của cổ phiếu DMX tại ngày 06/08/2026 được dùng cho năm đánh giá 2026 được tính như sau: 80.000 – (4.000 + 2.000) = 74.000 đồng/cổ phiếu.

b. **Tăng trưởng chỉ số VN30 (V)** được xác định theo công thức sau:

V (%) = [(VN30 bình quân năm đánh giá ÷ VN30 bình quân năm liền trước) – 1] × 100%

Trong đó, "VN30 bình quân" là trung bình cộng giá trị đóng cửa của chỉ số VN30 tại tất cả các phiên giao dịch thuộc năm tương ứng.

Riêng năm đánh giá 2026, để thống nhất kỳ so sánh với cổ phiếu DMX, V được xác định theo công thức:

V (%) = [(VN30 bình quân từ ngày 06/08/2026 đến ngày 31/12/2026 ÷ Giá trị mở cửa của chỉ số VN30 tại ngày 06/08/2026) – 1] × 100%

Trong đó, "VN30 bình quân từ ngày 06/08/2026 đến ngày 31/12/2026" là trung bình cộng giá trị đóng cửa của chỉ số VN30 tại tất cả các phiên giao dịch trong giai đoạn này.

c. Việc kỳ đánh giá năm 2026 ngắn hơn 12 tháng không làm thay đổi mức tối đa của Tỷ lệ C quy định tại Khoản 3.1 Mục V.

d. Nguyên tắc làm tròn khi xác định Tỷ lệ C: Các giá trị sau đây được làm tròn đến 02 (hai) chữ số thập phân: (i) Giá DMX bình quân của năm đánh giá hoặc Giá DMX bình quân từ ngày 06/08/2026 đến ngày 31/12/2026 (đối với năm đánh giá 2026); (ii) VN30 bình quân của năm đánh giá hoặc VN30 bình quân từ ngày 06/08/2026 đến ngày 31/12/2026 (đối với năm đánh giá 2026); và (iii) tỷ lệ D (%) và V (%) xác định theo công thức tại Điểm a và Điểm b Khoản 3.2

DRAFT

Mục V trên cơ sở các giá trị bình quân đã làm tròn theo điểm (i) và điểm (ii), tính theo điểm phần trăm. Việc làm tròn được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn số học thông thường, theo đó nếu chữ số thập phân thứ ba từ 5 trở lên thì làm tròn lên, nếu nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống; đối với giá trị âm, việc làm tròn được áp dụng trên giá trị tuyệt đối. Hiệu số Y được xác định trên cơ sở D và V đã làm tròn theo điểm (iii).

Ví dụ 1: *Giá DMX bình quân năm đánh giá là 88.000 đồng/cổ phiếu và Giá DMX bình quân năm liền trước là 80.000 đồng/cổ phiếu, nên D = [(88.000 ÷ 80.000) – 1] × 100% = 10%; VN30 bình quân năm đánh giá là 1.650 điểm và VN30 bình quân năm liền trước là 1.500 điểm, nên V = [(1.650 ÷ 1.500) – 1] × 100% = 10%; Y = D – V = 10% – 10% = 0 điểm phần trăm; do đó C = 0,5%, tương đương 6.338.610 cổ phiếu và 5.002 chứng quyền.*

Ví dụ 2: *Giá DMX bình quân năm đánh giá là 89.600 đồng/cổ phiếu và Giá DMX bình quân năm liền trước là 80.000 đồng/cổ phiếu, nên D = [(89.600 ÷ 80.000) – 1] × 100% = 12%; VN30 bình quân năm đánh giá là 1.650 điểm và VN30 bình quân năm liền trước là 1.500 điểm, nên V = [(1.650 ÷ 1.500) – 1] × 100% = 10%; Y = D – V = 12% – 10% = 2 điểm phần trăm; do đó C = 0,5% + 0,1% × 2 = 0,7%, tương đương 8.874.054 cổ phiếu và 7.003 chứng quyền.*

Ví dụ 3: *Giá DMX bình quân năm đánh giá là 73.600 đồng/cổ phiếu và Giá DMX bình quân năm liền trước là 80.000 đồng/cổ phiếu, nên D = [(73.600 ÷ 80.000) – 1] × 100% = −8%; VN30 bình quân năm đánh giá là 1.350 điểm và VN30 bình quân năm liền trước là 1.500 điểm, nên V = [(1.350 ÷ 1.500) – 1] × 100% = −10%; Y = D – V = (−8%) – (−10%) = 2 điểm phần trăm; do đó C = 0,5% + 0,1% × 2 = 0,7%, tương đương 8.874.054 cổ phiếu và 7.003 chứng quyền.*

Ví dụ 4: *Giá DMX bình quân năm đánh giá là 94.400 đồng/cổ phiếu và Giá DMX bình quân năm liền trước là 80.000 đồng/cổ phiếu, nên D = [(94.400 ÷ 80.000) – 1] × 100% = 18%; VN30 bình quân năm đánh giá là 1.650 điểm và VN30 bình quân năm liền trước là 1.500 điểm, nên V = [(1.650 ÷ 1.500) – 1] × 100% = 10%; Y = D – V = 18% – 10% = 8 điểm phần trăm; Tỷ lệ C tính được = 0,5% + 0,1% × 8 = 1,3%. Do vượt mức tối đa 1%/năm, Tỷ lệ C được áp dụng là 1%, tương đương 12.677.220 cổ phiếu và 10.005 chứng quyền.*

Ví dụ 5: *Giá DMX bình quân năm đánh giá là 86.400 đồng/cổ phiếu và Giá DMX bình quân năm liền trước là 80.000 đồng/cổ phiếu, nên D = [(86.400 ÷ 80.000) – 1] × 100% = 8%; VN30 bình quân năm đánh giá là 1.650 điểm và VN30 bình quân năm liền trước là 1.500 điểm, nên V = [(1.650 ÷ 1.500) – 1]*

DRAFT

× 100% = 10%; Y = D – V = 8% – 10% = −2 điểm phần trăm; do đó C = 0%, tương đương 0 cổ phiếu và 0 chứng quyền.

4. Tổng số lượng cổ phiếu tối đa được phát hành để thực hiện quyền ("**Tổng Số Cổ Phiếu THQ**") mỗi năm được xác định theo công thức sau, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị:

Tổng Số Cổ Phiếu THQ mỗi năm **(E)**	=	Tỷ lệ THQ mỗi năm **(A)**	x	Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm xác định điều kiện THQ

5. Tổng số lượng chứng quyền tối đa được thực hiện ("**Tổng Số CQTH**") mỗi năm được xác định theo công thức sau, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị:

Tổng Số CQTH mỗi năm **(F)**	=	Tổng Số Cổ Phiếu THQ mỗi năm **(E)**	÷	Số Cổ Phần Được Mua, được điều chỉnh chống pha loãng theo Khoản 10 Mục IV của Phương án này

Trong mọi trường hợp, tổng số chứng quyền được thực hiện lũy kế qua 05 (năm) năm của Chương trình TPCQ không vượt quá tổng số lượng chứng quyền đã phát hành.

6. Số CQTH mỗi năm cho mỗi Trái Phiếu được xác định thống nhất cho tất cả các Trái Phiếu theo công thức sau, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị:

Số CQ TH/ Trái phiếu	=	Tổng Số CQTH mỗi năm (F)	÷	1.000 Trái Phiếu

Tổng số CQTH của mỗi người tham gia trong năm đánh giá bằng Số CQTH/Trái phiếu nhân với số lượng Trái Phiếu mà người đó đang nắm giữ tại thời điểm xác định điều kiện thực hiện quyền. Mẫu số 1.000 Trái Phiếu nêu trên được áp dụng cố định cho tất cả các năm đánh giá, không phụ thuộc vào số lượng Trái Phiếu thực tế phát hành hoặc đang lưu hành tại thời điểm xác định điều kiện thực hiện quyền. Phần cổ phiếu, chứng quyền dôi dư do làm tròn xuống theo Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Mục V không được thực hiện trong năm đánh giá tương ứng, không được cộng dồn sang các năm đánh giá tiếp theo và không được phân bổ lại cho người tham gia khác.

VI. XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN VÀ LỊCH THỰC HIỆN QUYỀN

1. Đối với mỗi năm đánh giá, trước khi tổ chức thực hiện quyền, HĐQT hoặc người được HĐQT ủy quyền chuẩn bị bộ hồ sơ xác định điều kiện thực hiện quyền, bao gồm tối thiểu: (i) Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của năm đánh giá; (ii) tài liệu tính toán mức độ hoàn thành từng Chỉ tiêu và Tỷ lệ THQ; (iii) danh sách người sở hữu chứng quyền tại thời điểm xác định quyền; (iv) bảng xác định số lượng chứng quyền được thực hiện và số lượng cổ phần được mua của từng người sở hữu chứng quyền; (v) dự thảo thông báo thực hiện quyền gửi người sở hữu chứng quyền; và (vi) các tài liệu khác theo yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bộ hồ sơ này là căn cứ để HĐQT ban hành nghị quyết xác nhận điều kiện thực hiện quyền và triển khai thủ tục phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền.

2. Định kỳ hằng năm trong các năm 2027–2031, căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của năm đánh giá liền trước (2026–2030) được ĐHĐCĐ thông qua, kết quả tính toán mức độ hoàn thành các Chỉ tiêu và bộ hồ sơ xác định điều kiện thực hiện quyền, HĐQT ban hành nghị quyết xác nhận: (i) mức độ hoàn thành từng Chỉ tiêu; (ii) Tỷ lệ THQ của năm đánh giá; (iii) tổng số cổ phần được phát hành để thực hiện quyền; (iv) tổng số chứng quyền được thực hiện; (v) số lượng chứng quyền được thực hiện và số lượng cổ phần được mua của từng người tham gia; và (vi) thời hạn, phương thức thực hiện quyền tương ứng.

3. Người tham gia đủ điều kiện được thực hiện chứng quyền trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày ban hành Nghị quyết; trường hợp thời hạn này kết thúc sau ngày đáo hạn trái phiếu thì thời hạn thực hiện chứng quyền được tính đến ngày đáo hạn trái phiếu. Trường hợp thời hạn thực hiện quyền rơi vào ngày cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ, thời hạn thực hiện quyền sẽ được xác định là ngày làm việc liền trước. Hết thời hạn trên, phần chứng quyền chưa thực hiện đương nhiên hết hiệu lực, không được cộng dồn.

4. Trên cơ sở nghị quyết xác nhận điều kiện thực hiện quyền của HĐQT và số lượng chứng quyền thực tế được đăng ký thực hiện, HĐQT lập hoặc phê duyệt phương án chào bán/phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền cho từng đợt, trong đó nêu rõ tối thiểu: đối tượng được mua cổ phiếu, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành, Giá Mua Cổ Phiếu, tổng số tiền dự kiến thu được, thời hạn nộp tiền, tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần, phương án xử lý cổ phần không được thanh toán hoặc chứng quyền không được thực hiện, phương án sử dụng vốn thu được và kế hoạch hoàn tất đăng ký lưu ký/niêm yết bổ sung cổ phần phát hành thêm. Phương án này được sử dụng làm cơ sở để Công ty thực hiện thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

5. Việc thực hiện quyền được tổ chức tập trung 01 lần mỗi năm cho tất cả người tham gia đủ điều kiện, vào thời điểm do HĐQT quyết định sau khi đã xác định rõ số lượng chứng quyền được thực hiện, số lượng cổ phần dự kiến phát hành và kế

hoạch hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền theo quy định pháp luật. Người tham gia nộp đủ tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa của Công ty trong thời hạn quy định tại từng đợt, với điều kiện thời điểm thực hiện quyền tập trung không được muộn hơn thời hạn thực hiện chứng quyền tương ứng theo quy định tại Khoản 3 Mục VI của Phương án này.

VII. CÁC NỘI DUNG KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 10 NGHỊ ĐỊNH 200

1. Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau phát hành

Các chỉ tiêu vốn và nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng, lần

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Dự kiến sau khi phát hành
A	**Số liệu theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán và soát xét**					
1	**Vốn chủ sở hữu**	**18.553.585**	**19.516.417**	**17.800.572**	**22.676.754**	**22.676.754**
1.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.361.519	4.361.519	11.012.835	11.012.835	11.012.835
1.2	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	1.073.331	1.073.331	1.073.331
1.3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.739	-	-	-	-
1.4	Lợi nhuận chưa phân phối	14.188.327	15.154.898	5.714.405	10.590.588	10.590.588
2	**Nợ phải trả**	**27.873.959**	**29.955.726**	**39.115.666**	**53.209.432**	**53.209.432**
2.1	**Nợ phải trả ngắn hạn**	**25.984.509**	**29.955.726**	**39.115.666**	**52.715.718**	**52.615.718**
	Phải trả người bán ngắn hạn	5.457.040	6.325.110	9.701.594	10.232.344	10.232.344
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	88.982	88.507	210.361	208.013	208.013
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	338.532	585.548	811.242	953.922	953.922

DRAFT

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Dự kiến sau khi phát hành
	Phải trả người lao động	160.097	141.425	190.068	178.460	178.460
	Chi phí phải trả ngắn hạn	717.902	2.109.806	3.304.054	3.939.244	3.939.244
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	21.723	536.937	184.120	184.120
	Phải trả ngắn hạn khác	737.354	683.194	842.798	14.509.110	14.509.110
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.416.666	19.930.173	23.429.114	22.403.757	22.303.757
	Dự phòng phải trả ngắn hạn	67.936	70.240	89.498	106.749	106.749
2.2	**Nợ phải trả dài hạn**	**1.889.450**	**-**	**-**	**493.714**	**593.714**
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.889.450	-	-	-	100.000
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-	493.714	493.714
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**1.799.287**	**4.746.514**	**7.268.699**	**6.093.722**	**6.093.722**
4	**Lợi nhuận sau thuế**	**1.345.501**	**3.716.571**	**5.801.785**	**4.876.183**	**4.876.183**
5	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**					
	Hệ số Nợ phải trả/ tổng tài sản	0,6	0,6	0,7	0,7	0,7
	Hệ số Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	1,5	1,5	2,2	2,3	2,3
6	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**					
	Hệ số thanh toán ngắn hạn *(tài sản ngắn*	1,6	1,6	1,4	1,4	1,4

DRAFT

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Dự kiến sau khi phát hành
	hạn/ nợ ngắn hạn)					
	Hệ số thanh toán nhanh *((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn)*	0,9	1,0	0,8	0,9	0,9
7	**Tổng dư nợ vay trái phiếu/ vốn chủ sở hữu**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0,004**
8	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**					
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân	2,9%	7,8%	10,9%	7,3%	7,3%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	7,5%	19,5%	31,1%	24,1%	24,1%
9	**Các chỉ tiêu an toàn tài chính**	**Không áp dụng**				
B	**Số liệu theo BCTC riêng lẻ đã kiểm toán và soát xét**					
1	**Vốn chủ sở hữu**	**19.247.687**	**20.601.843**	**17.820.816**	**22.461.871**	**22.461.871**
1.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.361.519	4.361.519	11.012.835	11.012.835	11.012.835
1.2	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-
1.3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-
1.4	Lợi nhuận chưa phân phối	14.886.168	16.240.324	6.807.981	11.449.036	11.449.036
2	**Nợ phải trả**	**27.516.596**	**29.630.944**	**38.523.035**	**52.982.169**	**52.982.169**
2.1	**Nợ phải trả ngắn hạn**	**25.627.146**	**29.630.944**	**38.523.035**	**52.488.455**	**52.388.455**
	Phải trả người	5.205.737	6.158.176	9.818.045	10.835.52	10.835.521

DRAFT

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Dự kiến sau khi phát hành
	bán ngắn hạn				1	
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	86.685	88.507	190.584	140.405	140.405
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	300.529	584.027	788.136	864.630	864.630
	Phải trả người lao động	144.962	132.002	155.621	130.943	130.943
	Chi phí phải trả ngắn hạn	685.303	2.081.533	2.950.957	3.612.217	3.612.217
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	21.723	536.937	184.120	184.120
	Phải trả ngắn hạn khác	751.321	660.361	782.867	14.467.343	14.467.343
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.384.672	19.834.374	23.210.389	22.146.526	22.046.526
	Dự phòng phải trả ngắn hạn	67.936	70.240	89.498	106.749	106.749
2.2	**Nợ phải trả dài hạn**	**1.889.450**	**-**	**-**	**493.714**	**593.714**
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.889.450	-	-	-	100.000
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn				493.714	493.714
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**2.179.542**	**5.134.100**	**7.276.848**	**5.806.530**	**5.806.530**
4	**Lợi nhuận sau thuế**	**1.725.756**	**4.104.156**	**5.809.935**	**4.641.055**	**4.641.055**
5	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**					
	Hệ số Nợ phải trả/ tổng tài sản	0,6	0,6	0,7	0,7	0,7
	Hệ số Nợ phải trả/vốn chủ sở	1,4	1,4	2,2	2,4	2,4

DRAFT

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Dự kiến sau khi phát hành
	hữu					
6	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**					
	Hệ số thanh toán ngắn hạn *(tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)*	1,6	1,5	1,4	1,4	1,4
	Hệ số thanh toán nhanh *((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn)*	0,9	0,9	0,8	0,9	0,9
7	**Tổng dư nợ vay trái phiếu/ vốn chủ sở hữu**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0,004**
8	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**					
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân	3,9%	8,5%	10,9%	7,0%	7,0%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	9,3%	20,6%	30,2%	23,0%	23,0%
9	**Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành**	**Không áp dụng**				

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ đã kiểm toán 2024, 2025 và đã soát xét 6 tháng 2026

Ghi chú:

DRAFT

(*) Các chỉ tiêu tài chính dự kiến sau khi phát hành được tính toán dựa trên mục đích sử dụng vốn của Phương án phát hành này (được đề cập tại Khoản 2 Mục III). Theo đó, 100 tỷ đồng huy động được từ phát hành trái phiếu sẽ được dùng để trả nợ ngắn hạn.

(**) Giả định ngay sau khi phát hành lợi nhuận sau thuế và trước thuế của Công ty không thay đổi.

2. Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu

Công ty không có đợt phát hành trái phiếu nào trong 03 năm liền trước đợt phát hành trái phiếu này.

Các khoản nợ đến hạn luôn được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo từng hợp đồng hoặc khế ước vay tiền tương ứng. Tính đến thời điểm công bố thông tin, Tổ Chức Phát Hành không có khoản nợ phải trả quá hạn.

3. Báo cáo về tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ

Không có. Công ty không thực hiện bất kỳ đợt phát hành trái phiếu nào trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu này.

4. Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành

Tổ Chức Phát Hành có tình hình tài chính lành mạnh và đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, cũng như khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành.

5. Ý kiến kiểm toán

a. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025 và ý kiến soát xét đối với báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng"*.

DRAFT

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng bán niên 2026: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ"*.

b. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 và ý kiến soát xét đối với báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025: "*Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*".

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ"*.

6. Kế hoạch bố trí nguồn vốn thanh toán gốc và lãi trái phiếu

a. Thanh Toán Lãi Trái Phiếu: Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 1 năm một lần kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu đó. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng

nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, nguồn thu từ hoạt động tài chính và/hoặc các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư khi đến hạn. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước, nghĩa vụ tài chính và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu đến hạn của Tổ Chức Phát Hành.

b. Thanh Toán Gốc Trái Phiếu: Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ nền kinh tế để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành được nêu dưới đây, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước, nghĩa vụ tài chính và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán gốc Trái Phiếu khi đến hạn của Tổ Chức Phát Hành.

c. Dự phóng kết quả hoạt động kinh doanh và dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh:

Căn cứ theo kế hoạch kinh doanh và dự phóng dòng tiền của Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn từ năm 2026-2030 được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ có đủ nguồn tiền để thanh toán đầy đủ tiền lãi và gốc Trái Phiếu trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030
	Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030				
Doanh thu	122.317	134.978	148.906	164.373	181.514
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.743	9.378	10.839	12.494	14.390

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030
	Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	5.382	5.978	6.604	7.558	8.618
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(901)	(3.979)	(4.042)	(4.415)	(4.897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.852)	(768)	(1.168)	(1.559)	(1.924)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.629	1.231	1.394	1.584	1.797

DRAFT

Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	3.578	5.207	6.438	7.832	9.416
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5.207	6.438	7.832	9.416	11.213

d. Lịch thanh toán lãi/gốc trái phiếu dự kiến

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2027	2028	2029	2030	2031
Lãi trái phiếu hằng năm (*)	8	8	8	8	8
Gốc trái phiếu (*)	-	-	-	-	100
Tổng cộng	**8**	**8**	**8**	**8**	**108**
Nguồn vốn dự kiến thanh toán	Từ nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, nguồn thu từ hoạt động tài chính và/hoặc các nguồn thu hợp pháp khác				

(*) Kế hoạch trả nợ nêu trên được xây dựng trên giả định Trái phiếu được phát hành trong năm 2026 với tổng mệnh giá là 100 tỷ đồng và đáo hạn vào năm 2031. Tiền lãi Trái phiếu được thanh toán sau, định kỳ 01 (một) năm/lần kể từ Ngày phát hành; theo đó, kỳ thanh toán lãi đầu tiên dự kiến được thực hiện trong năm 2027.

e. Lãi Trái Phiếu

- Công thức tính Lãi Trái Phiếu: Lãi Trái Phiếu trong hạn bằng (=) Tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành nhân (x) số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi nhân (x) Lãi Suất Trái Phiếu trong hạn chia (:) cho 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- Kỳ Tính Lãi có nghĩa là mỗi kỳ hạn 12 (mười hai) tháng liên tục kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn (hoặc ngày mà Trái Phiếu được mua lại trước hạn). Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu từ (và bao gồm) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đầu tiên và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu từ (và bao gồm) ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi liền trước cho đến (nhưng không bao gồm) ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó. Ngày cuối cùng của các Kỳ Tính Lãi là ngày tròn 12 (mười hai) tháng, 24 (hai mươi bốn) tháng, 36 (ba mươi sáu) tháng, 48 (bốn mươi tám) tháng, 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành. Ngày cuối cùng của các Kỳ Tính Lãi cũng chính là Ngày Thanh Toán Lãi ("Ngày Thanh Toán Lãi").
- Trái Phiếu sẽ hưởng lãi theo Lãi Suất cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái

Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Lãi phát sinh trên khoản tiền gốc của Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

- Tiền lãi trên một Trái Phiếu được làm tròn đến hàng đơn vị.

f. Phương thức thanh toán lãi/gốc trái phiếu:

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua Tổ Chức Phát Hành theo các quy định dưới đây. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam, VSDC và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc mâu thuẫn với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSDC).

(i) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) theo Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán trực tiếp vào tài khoản đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán.

(ii) Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện như sau:

- Đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện lưu ký, ký gửi Trái Phiếu tại VSDC, Tổ Chức Phát Hành thanh toán gốc, lãi và/hoặc các khoản phải thanh toán khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của VSDC.
- Đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện lưu ký, ký gửi Trái Phiếu tại VSDC hoặc đã rút lưu ký tại VSDC (nếu có thể và pháp luật cho phép) (“Người Sở Hữu Trái Phiếu Chưa Lưu Ký”), Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc, lãi và/hoặc các khoản phải thanh toán khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) trực tiếp vào tài khoản đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán.

(iii) Khoản tiền gốc của Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán 01 (một) lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Để làm rõ, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó.

(iv) Khoản tiền lãi của Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

DRAFT

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định các nội dung chi tiết về trình tự, thủ tục thực hiện thanh toán lãi và gốc Trái Phiếu phù hợp với Điều kiện Trái phiếu và quy định pháp luật.

7. Cam kết Công bố thông tin của Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành cam kết công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

8. Các cam kết khác đối với nhà đầu tư sở hữu trái phiếu

- Thực hiện đúng kế hoạch và phương án phát hành, chỉ sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu cho việc tái cơ cấu các khoản nợ ngắn hạn của Công ty.
- Mua lại Trái phiếu trước hạn thanh toán theo yêu cầu của Người sở hữu Trái phiếu trong trường hợp phải mua lại Trái phiếu theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình phát hành và lưu hành Trái phiếu, các cam kết cụ thể của Công ty đối với các Nhà đầu tư và Người sở hữu Trái phiếu có thể được bổ sung và điều chỉnh theo thỏa thuận cụ thể của Công ty đối với các Nhà đầu tư và Người sở hữu Trái phiếu hoặc đại diện được ủy quyền của các Người sở hữu Trái phiếu (nếu có).

9. Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu

a. Quyền của nhà đầu tư mua trái phiếu:

- Được Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định 200; được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán Trái Phiếu khi có yêu cầu.
- Được thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và bảo đảm việc thực hiện các quyền kèm theo các điều kiện, điều khoản trái phiếu khi phát hành.
- Được yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn theo quy định tại Khoản 4 Mục III Phương án phát hành này và theo quy định của pháp luật.
- Được dùng trái phiếu để lại thừa kế theo quy định của pháp luật.
- Được quyền biểu quyết đối với các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua, trong đó tỷ lệ chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu thông qua phải đạt từ 65% tổng trái phiếu cùng loại lưu hành trở lên.

b. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu:

DRAFT

- Tiếp cận đầy đủ hồ sơ chào bán trái phiếu, nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của Tổ Chức Phát Hành trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu.
- Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch trái phiếu; hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định 200 và quy định của pháp luật liên quan.
- Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu.
- Chịu trách nhiệm về các hồ sơ, tài liệu do mình cung cấp để xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; không được bán, chuyển nhượng hoặc cùng góp vốn đầu tư trái phiếu dưới mọi hình thức trừ trường hợp để lại thừa kế theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
- Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến Trái phiếu đã phát hành.

10. Biện pháp Tổ Chức Phát Hành thực hiện để theo dõi, quản lý giám sát việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích

- Nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được theo dõi riêng đảm bảo sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.
- Thực hiện Báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu cho đến khi giải ngân hết số tiền thu được hoặc cho đến khi Tổ Chức Phát Hành không còn dư nợ trái phiếu tùy theo thời điểm nào đến trước. Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định 200.
- Tổ Chức Phát Hành chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý và giám sát việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành tại Phương án phát hành và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

VIII. PHÂN BỔ VÀ TIÊU CHUẨN THAM GIA

1. Tiêu chí xác định nhân sự tham gia đợt phát hành ("Người Tham Gia"): (i) thuộc đối tượng chào bán tại điểm 1.14 Khoản 1 Mục III và đáp ứng tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; (ii) đang giữ chức vụ, có hợp đồng lao động/hợp

đồng quản lý còn hiệu lực và đã làm việc tại Công ty bằng hoặc vượt thời gian của kỳ xét duyệt hưởng quyền tính đến thời điểm phát hành; (iii) không vi phạm kỷ luật lao động, không đang trong quá trình thôi việc hoặc xử lý kỷ luật.

2. Nguyên tắc xác định số lượng Trái phiếu cho Người Tham Gia được xác định như sau:

- Số lượng Trái phiếu phân bổ cho từng Người Tham Gia được xác định trên cơ sở tổng hợp 02 (hai) tiêu chí: Hệ số chức vụ và Hệ số ảnh hưởng.
- Việc phân bổ Trái phiếu thuộc Chương trình TPCQ được thực hiện một lần duy nhất tại thời điểm chào bán, trước khi Chương trình TPCQ bắt đầu. Do đó, Hệ số chức vụ và Hệ số ảnh hưởng được xác định căn cứ vào chức vụ, phạm vi phụ trách và mức độ ảnh hưởng dự kiến của từng Người Tham Gia trong suốt giai đoạn 2026–2030, và không được điều chỉnh lại theo kết quả thực hiện hằng năm. Hiệu quả hoạt động thực tế của Công ty được phản ánh thông qua điều kiện thực hiện chứng quyền quy định tại Mục V của Phương án này.
- Số lượng Trái phiếu phân bổ cho từng Người Tham Gia được làm tròn xuống đến hàng đơn vị (bỏ phần thập phân).

2.1 Tiêu chí 1: Phân bổ Trái phiếu theo chức vụ của Người Tham Gia

Nhóm	Chức vụ	Hệ số chức vụ (P)
1	Tổng Giám đốc	4
2	Giám đốc Bán hàng toàn quốc Giám đốc Phát triển kinh doanh Giám đốc Trải nghiệm Khách hàng Tổng Giám đốc và Phó tổng giám đốc Công ty con/ Công ty liên doanh	2
3	Giám đốc Khối phục vụ Giám đốc Bán hàng Công ty con/ Công ty liên doanh	1

Ghi chú: *Hệ số chức vụ được quy định nêu trên thể hiện mức độ quan trọng của các vị trí, chức vụ trong hoạt động kinh doanh của Công ty.*

2.2 Tiêu chí 2: Phân bổ Trái phiếu theo mức độ ảnh hưởng đến tổ chức

Hệ số ảnh hưởng (I) phản ánh mức độ ảnh hưởng của từng Người Tham Gia đến chiến lược, văn hóa doanh nghiệp, hệ thống quản lý, đội ngũ và năng lực của Công ty trong giai đoạn 2026–2030. Trên cơ sở đánh giá của HĐQT/ Tổng Giám đốc, HĐQT quyết định điểm đóng góp cho từng Người Tham Gia theo thang điểm từ 0 đến 100, trong đó 100 là mức ảnh hưởng cao nhất.

DRAFT

2.3 Công thức xác định số lượng Trái phiếu cho từng Người Tham Gia

Trên cơ sở các nguyên tắc nêu trên, số lượng Trái phiếu phân bổ cho từng Người Tham Gia được xác định theo công thức sau:

Tổng điểm phân bổ của cá nhân (T_i)	=	$P \times I$
Số lượng Trái phiếu của từng cá nhân (TP_i)	=	*Tổng số Trái phiếu chào bán x* $(T_i / \Sigma T_i)$

❖ Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A được tính như sau:

Họ và Tên	**Hệ số chức vụ (P)**	**Hệ số ảnh hưởng (I)**	**Điểm phân bổ cá nhân P x I (T_i)**
Nguyễn Văn A	2	75	150

Giả sử $\Sigma T_i = 800$

➢ Số lượng Trái phiếu của Ông Nguyễn Văn A = 1.000 × (150 ÷ 800) = 187,5 Trái phiếu, làm tròn xuống thành 187 Trái phiếu

2.4 Thẩm quyền quyết định

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định và điều chỉnh Hệ số chức vụ, Hệ số ảnh hưởng và số lượng Trái phiếu phân bổ cho từng Người Tham Gia trong phạm vi tổng hạn mức đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Thông qua danh sách Người Tham Gia Chương trình TPCQ như sau:

Căn cứ các tiêu chí nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia Chương trình Trái phiếu kèm chứng quyền được quy định chi tiết tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục VIII của Phương án này, danh sách nhà đầu tư đáp ứng điều kiện tham gia Chương trình TPCQ được đính kèm tại Phụ lục II của Nghị quyết này và là một phần không tách rời của Phương án này. Số lượng Trái phiếu kèm Chứng quyền phân bổ cho từng nhà đầu tư do HĐQT quyết định theo nguyên tắc tại Khoản 2 Mục VIII và không vượt quá tổng hạn mức đã được ĐHĐCĐ thông qua.

4. Trường hợp Người tham gia thôi việc, bị miễn nhiệm hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn: phần chứng quyền chưa đủ điều kiện thực hiện đương nhiên chấm dứt hiệu lực; trái phiếu giữ nguyên hiệu lực (được thanh toán gốc, lãi theo phương án phát hành trái phiếu). Các trường hợp khác được xử lý theo Quy chế Chương trình TPCQ do HĐQT ban hành, kể cả trường hợp qua đời (giải quyết cho người thừa kế hợp pháp).

DRAFT

IX. VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CỦA DOANH NGHIỆP

Tổ Chức Phát Hành đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 16 Nghị định 200/2026/NĐ-CP ngày 05/6/2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, cụ thể như sau:

STT	Điều kiện phát hành	Khả năng đáp ứng	Tài liệu chứng minh
1	Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư theo quy định tại điểm a) khoản 1 Điều 31 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật số 56/2024/QH15	Đáp ứng	Phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được chào bán; tiêu chí và số lượng nhà đầu tư được Đại hội đồng cổ đông của Tổ Chức Phát Hành thông qua theo Nghị quyết này.
2	Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp phải được thực hiện trước thời điểm đăng ký mua trái phiếu và theo hồ sơ chứng minh hợp lệ.	Đáp ứng	Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán và đáp ứng tiêu chuẩn tham gia được quy định tại Mục VIII của Phương án này
3	Việc chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định	Đáp ứng	Trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ không được phép chuyển nhượng trong suốt thời hạn trái phiếu, trừ trường hợp để lại thừa kế theo quy định của pháp luật hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

DRAFT

STT	Điều kiện phát hành	Khả năng đáp ứng	Tài liệu chứng minh
	của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.		
4	Đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ	Đáp ứng	Đợt chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ dự kiến được thực hiện sau hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành riêng lẻ gần nhất của Công ty.
5	Việc chào bán cổ phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật	Đáp ứng	Không có nhà đầu tư nước ngoài tham gia Chương trình TPCQ (theo Danh Sách Người Tham Gia Chương Trình Trái Phiếu Kèm Chứng Quyền Riêng Lẻ đính kèm tại Phụ lục II của Nghị quyết này), do đó việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chứng quyền sẽ không ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của Tổ Chức Phát Hành.
6	Tổ chức phát hành có nợ phải trả (bao	Đáp ứng	Tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn

DRAFT

STT	Điều kiện phát hành	Khả năng đáp ứng	Tài liệu chứng minh
	gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp phát hành theo báo cáo tài chính năm quy định tại điểm e khoản này, ngoại trừ doanh nghiệp phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, chỉ tiêu nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành), vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Nghị định 200/2026		chủ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành sau phát hành căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 được ước tính là 2,2 lần.

X. TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ, NIÊM YẾT BỔ SUNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

Thông qua việc tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá số cổ phiếu thực tế phát hành qua từng đợt thực hiện quyền; cổ phiếu phát hành được đăng ký bổ sung tại VSDC và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Công ty chỉ chào bán cho cá nhân là người Việt Nam nên việc phát hành không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.

XI. GIAO VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐHĐCĐ giao HĐQT hoàn thiện Phương án phát hành chi tiết theo quy định pháp luật trên cơ sở các nội dung trọng yếu đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết này, với điều kiện việc hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung không làm thay đổi bản chất giao dịch, tổng

DRAFT

hạn mức phát hành, tỷ lệ pha loãng tối đa, đối tượng chào bán và các quyền kinh tế cơ bản của cổ đông, trừ trường hợp được ĐHĐCĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định pháp luật; và ủy quyền cho HĐQT (được ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc theo Điều lệ và pháp luật) thực hiện các công việc sau:

1. Hoàn thiện Phương án phát hành chi tiết và hồ sơ đăng ký chào bán gửi UBCKNN; lựa chọn tổ chức tư vấn, kiểm toán và các tổ chức cung cấp dịch vụ; bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
2. Điều chỉnh, chỉnh sửa các nội dung Phương án để phù hợp với quy định pháp luật và ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước;
3. Quyết định thời điểm phát hành, thời điểm và thủ tục từng đợt thực hiện quyền của chứng quyền hằng năm;
4. Quyết định số lượng trái phiếu phân bổ cho từng người tham gia theo danh sách người tham gia đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Phụ lục II; ban hành Quy chế Chương trình TPCQ (bao gồm phương pháp xác định các Chỉ tiêu trong các trường hợp đặc biệt, thủ tục thực hiện quyền, xử lý thôi việc, kỷ luật, thừa kế);
5. Ban hành nghị quyết hằng năm về kết quả các Chỉ tiêu và số lượng cổ phiếu phát hành; nghị quyết ghi nhận điều chỉnh kỹ thuật; quyết định xử lý cổ phiếu lẻ, chứng quyền không được thực hiện, trái phiếu của người không còn đáp ứng tiêu chuẩn và trái phiếu không phân phối hết;
6. Quyết định và điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết (bao gồm việc lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu theo quy định khi thay đổi mục đích phát hành);
7. Thực hiện đăng ký, lưu ký, đăng ký giao dịch trái phiếu tại VSDC/HNX; đăng ký bổ sung, niêm yết bổ sung cổ phiếu tại VSDC/HOSE; sửa đổi Điều lệ về vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế, thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất;
8. Quyết định thứ tự ưu tiên thanh toán, thời điểm thanh toán và điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn trong phạm vi mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua;
9. Quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn từ các đợt thực hiện chứng quyền theo quy định của pháp luật, trong phạm vi mục đích đã được ĐHĐCĐ thông qua đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông của Công ty.
10. Ban hành tiêu chí, hồ sơ và thời điểm xác nhận tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; xử lý trường hợp người tham gia không còn đáp ứng tư cách hoặc điều kiện tham gia trước ngày phân phối, ngày phát hành trái phiếu hoặc ngày thực hiện chứng quyền;
11. Quyết định nguyên tắc phân bổ, điều chỉnh phân bổ, phân phối lại hoặc hủy phần trái phiếu, chứng quyền không được đăng ký mua, không được phân phối, không

được thanh toán hoặc không được thực hiện, với điều kiện không vượt tổng hạn mức phát hành và tỷ lệ pha loãng tối đa đã được ĐHĐCĐ thông qua;

12. Lựa chọn, đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận với ngân hàng bảo lãnh thanh toán, tổ chức xếp hạng tín nhiệm, tổ chức tư vấn, đại lý phát hành, ngân hàng quản lý tài khoản phong tỏa và các tổ chức cung cấp dịch vụ khác liên quan đến đợt phát hành;

13. Lựa chọn, đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận với Đại diện người sở hữu trái phiếu, trừ trường hợp thay đổi các điều khoản hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định 200;

14. Quyết định mở, quản lý, sử dụng và giải tỏa tài khoản phong tỏa; xử lý việc hoàn trả tiền đăng ký mua trái phiếu hoặc tiền mua cổ phiếu khi đợt phát hành hoặc đợt thực hiện chứng quyền không hoàn tất theo đúng quy định pháp luật và hồ sơ phát hành;

15. Quyết định phương pháp xử lý các tình huống kỹ thuật phát sinh liên quan đến chỉ tiêu LNST, chỉ tiêu giá cổ phiếu DMX so với VN30, điều chỉnh chống pha loãng, nguyên tắc làm tròn, thay đổi năm tài chính, thay đổi niêm yết/giao dịch, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, tái cấu trúc doanh nghiệp hoặc các sự kiện đặc biệt khác ảnh hưởng đến việc xác định số lượng chứng quyền được thực hiện;

16. Thực hiện hoặc ủy quyền thực hiện cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật hoặc người được chỉ định triển khai các thủ tục công bố thông tin, báo cáo, giải trình, đăng ký, lưu ký, đăng ký giao dịch trái phiếu, phát hành cổ phiếu, đăng ký bổ sung, niêm yết bổ sung cổ phiếu, cập nhật sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi vốn điều lệ, Điều lệ Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo kết quả phát hành thực tế;

17. Quyết định các vấn đề khác liên quan đến Chương trình, kể cả chỉnh sửa lỗi từ ngữ, kỹ thuật không làm thay đổi bản chất nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.

DRAFT

PHỤ LỤC II

ĐÍNH KÈM NGHỊ QUYẾT SỐ 04/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026

DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ

STT	Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
1	Đoàn Văn Hiểu Em	Việt Nam	Tổng Giám đốc
2	Trần Văn Hoàng	Việt Nam	Giám đốc Phát triển Kinh doanh
3	Phùng Ngọc Tuyên	Việt Nam	Giám đốc Phát triển Kinh doanh
4	Trương Hồng Hoàng	Việt Nam	Giám đốc Phát triển Kinh doanh
5	Quách Vĩnh Nam	Việt Nam	Giám đốc Bán hàng Toàn quốc
6	Đoàn Trung Hiếu	Việt Nam	Tổng Giám đốc Công ty con
7	Hoàng Khánh Chi	Việt Nam	Giám đốc Trải nghiệm khách hàng
8	Nguyễn Bá Tín	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh
9	Lê Minh Tú	Việt Nam	Giám đốc Bán hàng Công ty liên doanh
10	Đỗ Nguyễn Minh Viễn	Việt Nam	Giám đốc Khối phục vụ - Triển khai
11	Hoàng Hữu Hưng	Việt Nam	Giám đốc Khối phục vụ - Kiểm soát nội bộ
12	Lê Thảo Trang	Việt Nam	Giám đốc Khối phục vụ - Marketing
13	Võ Thị Kim Phụng	Việt Nam	Giám đốc Khối phục vụ - Nhân sự
14	Võ Lê Giang	Việt Nam	Giám đốc Khối phục vụ - Công nghệ Thông tin
15	Võ Thị Phương Thảo	Việt Nam	Giám đốc Khối phục vụ - Kế toán trưởng

DRAFT

PHỤ LỤC III

ĐÍNH KÈM NGHỊ QUYẾT SỐ 04/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026

NGÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Theo (i) Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mã số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 ngày 08/7/2026, (ii) Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2026, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau đây:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	**Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)**	**4740 (Chính)**
2	Quảng cáo	7310
3	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4652
4	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
5	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông. Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet (trừ dịch vụ truy cập, truy nhập internet)	6190
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4649
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
9	Dịch vụ đóng gói	8292

DRAFT

STT	Tên ngành	Mã ngành
	(trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	
10	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không chứa cồn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4633
11	Bán buôn thực phẩm (trừ bán buôn lúa gạo, đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở)	4632
12	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không; Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5229
15	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật)	6619
16	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý xổ số, đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản; phát hành xổ số kiến thiết và thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4610
17	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8559
18	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu,	4641

STT	Tên ngành	Mã ngành
	quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	
19	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
20	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4659
22	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cơ sở dịch vụ kính thuốc, hoạt động đo thị lực, mài, lắp kính phục vụ cho bán lẻ mắt kính	8699
23	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4690
24	Bán lẻ lương thực Chi tiết: trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật	4721
25	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bếp ga và các phụ kiện có liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn và thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4679
26	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4651
27	Bán lẻ thực phẩm	4722

DRAFT

STT	Tên ngành	Mã ngành
	(trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	
28	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
29	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: bán lẻ đồ uống, rượu, bia và đồ uống không chứa cồn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4723
30	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước)	6499
31	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4790
32	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4759
33	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	3314
34	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo (điện mặt trời dưới 1 MW) (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3511
35	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	3312
36	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc	4771

DRAFT

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	
37	Lập trình máy tính khác	6219
38	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng Chi tiết: Bán lẻ đồ điện máy gia dụng, điện thoại di động, thiết bị tin học, viễn thông đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4774
39	Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử	6211
40	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông Chi tiết: Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông	6120
41	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220
42	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi Chi tiết: Bán lẻ trò chơi và đồ chơi được làm từ mọi chất liệu (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4763
43	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4661
44	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác	6290
45	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4781
46	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9531

DRAFT

STT	Tên ngành	Mã ngành
47	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức và dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận))	6390
48	Bán lẻ tổng hợp khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4719
49	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng Chi tiết: Quản lý hoạt động văn phòng, hành chính như lễ tân, dịch vụ nhân sự và chuyển phát thư, hệ thống sổ sách cho người khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	8210
50	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4673
51	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4672
52	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Chi tiết: bán lẻ văn phòng phẩm	4761
53	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng gia đình (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9522
54	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn (trừ bán lẻ gạo, đường, đường mía, thuốc lá, thuốc lào)	4711
55	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4751
56	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài,	4663

DRAFT

STT	Tên ngành	Mã ngành
	tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	
57	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9521
58	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4783
59	Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9529
60	Hoạt động các trang mạng xã hội và hoạt động phân phối nội dung khác Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức; trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận))	6039
61	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
62	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hàng hóa (trừ vận tải hàng hóa đường hàng không; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không; dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5231
63	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hành khách (trừ vận tải hành khách đường hàng không; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không; dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm	5232

DRAFT

STT	Tên ngành	Mã ngành
	an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	
64	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Sản xuất điện (điện mặt trời dưới 1MW) (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3512
65	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9532
66	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4642
67	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4762
68	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác	9510
69	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4753
70	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4752
71	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ	4773

DRAFT

STT	Tên ngành	Mã ngành
	chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	
72	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan Chi tiết: Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo từ dữ liệu do khách hàng cung cấp; Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web; Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động) cho khách hàng; Hoạt động phân tích thông tin của khách hàng cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức và dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận))	6310
73	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
74	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
75	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi Chi tiết: Cung cấp dịch vụ tổng đài điện thoại; Dịch vụ trả lời điện thoại; Dịch vụ trung tâm chăm sóc khách hàng (Call Center). (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức; trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận))	8220
76	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Loại trừ dịch vụ thăm dò dư luận	7320
77	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giới thiệu, tư vấn hỗ trợ khách hàng tham gia các chương trình chăm sóc khách hàng, khuyến mãi và chương trình xúc tiến khác của nhà sản xuất	8299
78	Cho thuê xe có động cơ	7710
79	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
80	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
81	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
82	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền của Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định	4221

DRAFT

STT	Tên ngành	Mã ngành
	94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	
83	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
84	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4653
85	Bưu chính Chi tiết: Dịch vụ bưu chính viễn thông (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bưu chính phổ cập theo quy định của Luật Bưu chính và dịch vụ bưu chính công ích; không bao gồm hoạt động phát hành báo chí)	5310
86	Chuyển phát Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ chuyển phát (Courier services) (trừ dịch vụ bưu chính công ích)	5320
87	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
88	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý thanh toán (căn cứ theo điều 2 chương I và điều 4 chương II của thông tư 07/2024/TT-NHNN và các quy định pháp luật khác được áp dụng)	6419

DRAFT

PHỤ LỤC IV

ĐÍNH KÈM NGHỊ QUYẾT SỐ 04/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026

VÍ DỤ MINH HỌA VIỆC XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG CHỨNG QUYỀN ĐƯỢC THỰC HIỆN

Phụ lục này chỉ nhằm minh họa phương pháp xác định Tỷ lệ THQ, số lượng chứng quyền được thực hiện và số lượng cổ phần được mua trong một số kịch bản giả định. Các số liệu, giả định và kết quả tính toán tại Phụ lục này không phải là số lượng chứng quyền được thực hiện hoặc số lượng cổ phần được phát hành trên thực tế; số lượng thực tế sẽ được xác định căn cứ vào số liệu thực tế tại thời điểm thực hiện quyền, nghị quyết của HĐQT, hồ sơ xác định điều kiện thực hiện quyền và trình tự, thủ tục quy định tại Phương án này.

Các công thức xác định Tỷ lệ THQ, Tổng Số Cổ Phiếu THQ và Tổng Số CQTH tại Phụ lục này được minh họa theo Mục V của Phương án; việc xác nhận kết quả, ban hành nghị quyết và xác định lịch thực hiện quyền được thực hiện theo Mục VI của Phương án.

1. Các giả định minh họa:

1.1 Các giả định chung:

1	Số lượng trái phiếu chào bán thành công	:	1.000 trái phiếu
2	Mệnh giá trái phiếu	:	100.000.000 đồng/trái phiếu
3	Tổng giá trị phát hành	:	100.000.000.000 đồng
4	Số lượng chứng quyền phát hành	:	100.000 chứng quyền (tỷ lệ 100 chứng quyền/01 trái phiếu)
5	Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền	:	1.267 cổ phần/01 chứng quyền (Số Cổ Phần Được Mua tại ngày lập Phương án, tương ứng số cổ phiếu đang lưu hành 1.267.722.000 cổ phiếu)
6	Ngày phát hành Trái phiếu	:	31/12/2026
7	Ngày đáo hạn Trái phiếu	:	31/12/2031

1.2 Danh sách Nhà đầu tư tham gia mua trái phiếu và số lượng phân bổ (giả định minh họa):

DRAFT

STT	Họ và Tên	Số lượng TP được phân bổ	Số lượng CQ phát hành kèm TP
1	Đoàn Văn Hiểu Em	395	39.500
2	Trần Văn Hoàng	54	5.400
3	Phùng Ngọc Tuyên	54	5.400
4	Trương Hồng Hoàng	47	4.700
5	Quách Vĩnh Nam	167	16.700
6	Đoàn Trung Hiếu	67	6.700
7	Hoàng Khánh Chi	41	4.100
8	Nguyễn Bá Tín	22	2.200
9	Lê Minh Tú	12	1.200
10	Đỗ Nguyễn Minh Viễn	24	2.400
11	Hoàng Hữu Hưng	24	2.400
12	Lê Thảo Trang	21	2.100
13	Võ Thị Kim Phụng	21	2.100
14	Võ Lê Giang	31	3.100
15	Võ Thị Phương Thảo	20	2.000
	Tổng cộng	**1.000**	**100.000**

2. Ví dụ minh họa trình tự việc xét điều kiện thực hiện quyền hằng năm

Căn cứ theo Khoản 2 Mục VI quy định tại Phương án, định kỳ hằng năm trong các năm 2027–2031, căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của năm đánh giá liền trước (2026–2030) được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT ban hành nghị quyết xác định mức độ hoàn thành các Chỉ tiêu, việc đủ hay không đủ điều kiện thực hiện quyền và số lượng cổ phiếu được mua của từng người tham gia, chi tiết như sau:

2.1 Xác định tỷ lệ THQ hằng năm:

Việc xác định Tỷ lệ THQ của mỗi năm đánh giá được thực hiện lần lượt theo các bước quy định tại Mục V của Phương án này, cụ thể:

Bước 1 – Xác định Nền LNST của năm đánh giá theo Khoản 2.3 Mục V: Nền LNST bằng giá trị cao hơn giữa (i) LNST cam kết theo bảng tại Khoản 2.3 Mục V và (ii) LNST kế hoạch của năm đánh giá được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

DRAFT

Bước 2 – Xác định Tỷ lệ THQ theo Chỉ tiêu 1 (Tỷ lệ B) theo Khoản 2.1 Mục V: nếu LNST thực hiện thấp hơn Nền LNST thì B = 0%; nếu LNST thực hiện bằng hoặc cao hơn Nền LNST thì B (%) = 0,5% + [(LNST thực hiện ÷ Nền LNST) – 100%] × 5%, được làm tròn đến 02 (hai) chữ số thập phân và trong mọi trường hợp không vượt quá 2%/năm.

Bước 3 – Xác định Tỷ lệ THQ theo Chỉ tiêu 2 (Tỷ lệ C) theo Khoản 3 Mục V: xác định hiệu số Y (điểm phần trăm) = D – V, trong đó (D) là tăng trưởng giá cổ phiếu DMX và (V) là tăng trưởng chỉ số VN30 của năm đánh giá, được xác định và làm tròn đến 02 (hai) chữ số thập phân theo nguyên tắc tại Điểm d Khoản 3.2 Mục V; nếu Y < 0 thì C = 0%; nếu Y = 0 thì C = 0,5%; nếu Y > 0 thì C = 0,5% + 0,1% × Y, được làm tròn đến 02 (hai) chữ số thập phân và trong mọi trường hợp không vượt quá 1%/năm.

Bước 4 – Xác định Tỷ lệ THQ của năm đánh giá (Tỷ lệ A) theo Khoản 1 Mục V: A = B + C, sau khi đã áp dụng mức tối đa của từng chỉ tiêu tại Bước 2 và Bước 3 và trong mọi trường hợp không vượt quá 3%/năm. Đồng thời, do tổng số cổ phần phát hành để thực hiện quyền lũy kế qua 05 (năm) năm của Chương trình TPCQ không vượt quá 126.700.000 cổ phần theo Khoản 5 Mục IV (tương ứng khoảng 10% tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày lập Phương án), tổng Tỷ lệ A lũy kế của cả 05 (năm) năm đánh giá không vượt quá 10%; phần Tỷ lệ A vượt mức trần lũy kế này không được thực hiện và không được cộng dồn sang các năm tiếp theo. Trong ví dụ minh họa, Tỷ lệ A lũy kế của cả 05 (năm) năm đánh giá là 9,71%, chưa đạt mức trần lũy kế 10%, nên Tỷ lệ A của từng năm đánh giá đều được áp dụng đúng bằng giá trị tính theo công thức. Các mức trần lũy kế tính theo số cổ phần (126.700.000 cổ phần theo Khoản 5 Mục IV) và theo số chứng quyền đã phát hành (100.000 chứng quyền theo Khoản 5 Mục V) tiếp tục được kiểm tra tại Bước 5 và Bước 6 dưới đây.

Áp dụng các bước nêu trên vào các số liệu giả định, và với giả định tổng số cổ phiếu đang lưu hành (1.267.722.000 cổ phiếu) cùng Số Cổ Phần Được Mua (1.267 cổ phần/01 chứng quyền) không thay đổi trong suốt Chương trình TPCQ (do ví dụ minh họa này chưa tính đến các trường hợp điều chỉnh chống pha loãng theo Khoản 10 Mục IV của Phương án này), Tỷ lệ THQ của từng năm đánh giá được xác định như sau:

Bước 1 – Xác định Nền LNST của từng năm đánh giá (Khoản 2.3 Mục V):

Năm đánh giá	Kỳ đánh giá (năm HĐQT ban hành NQ)	LNST cam kết theo Khoản 2.3 Mục V (tỷ đồng)	LNST kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua (tỷ đồng)	Nền LNST – giá trị cao hơn (tỷ đồng)
2026	2027	7.743	7.350	7.743
2027	2028	9.378	11.576	11.576
2028	2029	10.839	18.400	18.400

DRAFT

Năm đánh giá	Kỳ đánh giá (năm HĐQT ban hành NQ)	LNST cam kết theo Khoản 2.3 Mục V (tỷ đồng)	LNST kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua (tỷ đồng)	Nền LNST – giá trị cao hơn (tỷ đồng)
2029	2030	12.494	16.675	16.675
2030	2031	14.390	20.125	20.125

Bước 2 – Xác định Tỷ lệ THQ theo Chỉ tiêu 1 (Tỷ lệ B) (Khoản 2.1 Mục V):

Năm đánh giá	Nền LNST (tỷ đồng)	LNST thực hiện (tỷ đồng)	LNST thực hiện ÷ Nền LNST	Tỷ lệ B tính theo công thức	Tỷ lệ B sau mức tối đa 2%/năm
2026	7.743	10.066	130,00%	2,00%	2,00%
2027	11.576	16.000	138,22%	2,41%	2,00%
2028	18.400	14.500	78,80%	0,00%	0,00%
2029	16.675	17.500	104,95%	0,75%	0,75%
2030	20.125	25.000	124,22%	1,71%	1,71%

Bước 3 – Xác định Tỷ lệ THQ theo Chỉ tiêu 2 (Tỷ lệ C) (Khoản 3 Mục V):

Chỉ tiêu	Năm đánh giá 2026	Năm đánh giá 2027	Năm đánh giá 2028	Năm đánh giá 2029	Năm đánh giá 2030
Tăng trưởng giá cổ phiếu DMX (D)	Giá DMX bình quân 06/08/2026–31/12/2026: 83.620; giá mở cửa điều chỉnh của cổ phiếu DMX ngày 06/08/2026 (sau khi trừ cổ tức tiền mặt 6.000 đồng/cổ phiếu đã thực hiện đến ngày 31/12/2026):	Giá DMX bình quân năm 2027: 91.982; giá DMX bình quân năm 2026: 83.620; D = [(91.982 ÷ 83.620) – 1] × 100% = 10,00%	Giá DMX bình quân năm 2028: 103.019,84; giá DMX bình quân năm 2027: 91.982; D = [(103.019,84 ÷ 91.982) – 1] × 100% = 12,00%	Giá DMX bình quân năm 2029: 94.778,25; giá DMX bình quân năm 2028: 103.019,84; D = [(94.778,25 ÷ 103.019,84) – 1] × 100% = −8,00% (đã làm tròn đến 02 chữ số thập phân)	Giá DMX bình quân năm 2030: 106.625,53; giá DMX bình quân năm 2029: 94.778,25; D = [(106.625,53 ÷ 94.778,25) – 1] × 100% = 12,50% (đã làm tròn đến 02 chữ số thập phân)

DRAFT

Chỉ tiêu	Năm đánh giá 2026	Năm đánh giá 2027	Năm đánh giá 2028	Năm đánh giá 2029	Năm đánh giá 2030
	80.000 – 6.000 = 74.000; D = [(83.620 ÷ 74.000) – 1] × 100% = 13,00%				
Tăng trưởng chỉ số VN30 (V)	VN30 bình quân 06/08/2026–31/12/2026: 1.650; giá trị mở cửa của chỉ số VN30 ngày 06/08/2026: 1.500; V = [(1.650 ÷ 1.500) – 1] × 100% = 10,00%	VN30 bình quân năm 2027: 1.732,5; VN30 bình quân năm 2026: 1.650; V = [(1.732,5 ÷ 1.650) – 1] × 100% = 5,00%	VN30 bình quân năm 2028: 1.905,75; VN30 bình quân năm 2027: 1.732,5; V = [(1.905,75 ÷ 1.732,5) – 1] × 100% = 10,00%	VN30 bình quân năm 2029: 1.810,46; VN30 bình quân năm 2028: 1.905,75; V = [(1.810,46 ÷ 1.905,75) – 1] × 100% = −5,00% (đã làm tròn đến 02 chữ số thập phân)	VN30 bình quân năm 2030: 1.991,51; VN30 bình quân năm 2029: 1.810,46; V = [(1.991,51 ÷ 1.810,46) – 1] × 100% = 10,00% (đã làm tròn đến 02 chữ số thập phân)
Hiệu số Y = D – V (điểm phần trăm)	Y = 13,00% – 10,00% = 3,00 điểm phần trăm	Y = 10,00% – 5,00% = 5,00 điểm phần trăm	Y = 12,00% – 10,00% = 2,00 điểm phần trăm	Y = −8,00% – (−5,00%) = −3,00 điểm phần trăm	Y = 12,50% – 10,00% = 2,50 điểm phần trăm
Tỷ lệ C tính theo công thức	C = 0,5% + 0,1% × 3,00 = 0,80%	C = 0,5% + 0,1% × 5,00 = 1,00%	C = 0,5% + 0,1% × 2,00 = 0,70%	Do Y < 0, C = 0,00%	C = 0,5% + 0,1% × 2,50 = 0,75%
Tỷ lệ C sau khi áp mức tối đa 1%/năm	0,80% (không vượt mức tối đa 1%/năm)	1,00% (bằng mức tối đa 1%/năm)	0,70% (không vượt mức tối đa 1%/năm)	0,00%	0,75% (không vượt mức tối đa 1%/năm)

DRAFT

Bước 4 – Xác định Tỷ lệ THQ của năm đánh giá (Tỷ lệ A) (Khoản 1 Mục V):

Năm đánh giá	Tỷ lệ B (Chỉ tiêu 1)	Tỷ lệ C (Chỉ tiêu 2)	Tỷ lệ A = B + C	Tỷ lệ A lũy kế nếu không áp mức trần 10%	Tỷ lệ THQ được áp dụng sau khi áp mức trần 10% (Tỷ lệ A)
2026	2,00%	0,80%	2,80%	2,80%	2,80%
2027	2,00%	1,00%	3,00%	5,80%	3,00%
2028	0,00%	0,70%	0,70%	6,50%	0,70%
2029	0,75%	0,00%	0,75%	7,25%	0,75%
2030	1,71%	0,75%	2,46%	9,71%	2,46%

2.2 Xác định Tổng Số Cổ Phiếu THQ và Tổng Số CQTH của mỗi năm đánh giá:

Bước 5 – Xác định Tổng Số Cổ Phiếu THQ (E) theo Khoản 4 Mục V: E = Tỷ lệ A × Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm xác định điều kiện THQ, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Trong mọi trường hợp, tổng số cổ phần phát hành thực hiện quyền lũy kế qua 05 (năm) năm của Chương trình TPCQ không vượt quá 126.700.000 cổ phần; phần vượt mức trần lũy kế này không được thực hiện và không được cộng dồn.

Bước 6 – Xác định Tổng Số CQTH (F) theo Khoản 5 Mục V: F = Tổng Số Cổ Phiếu THQ mỗi năm (E) ÷ Số Cổ Phần Được Mua, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Trong mọi trường hợp, tổng số chứng quyền được thực hiện lũy kế qua 05 (năm) năm của Chương trình TPCQ không vượt quá tổng số lượng chứng quyền đã phát hành, tức 100.000 chứng quyền.

Áp dụng vào các số liệu giả định, Tổng Số Cổ Phiếu THQ và Tổng Số CQTH của từng năm đánh giá được xác định như sau:

Bước 5 – Xác định Tổng Số Cổ Phiếu THQ (E) (Khoản 4 Mục V):

Năm đánh giá	Tỷ lệ A	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	Tổng Số Cổ Phiếu THQ (E) tính được	E lũy kế nếu không áp mức trần 126.700.000	Tổng Số Cổ Phiếu THQ (E) được áp dụng
2026	2,80%	1.267.722.000	35.496.216	35.496.216	35.496.216
2027	3,00%	1.267.722.000	38.031.660	73.527.876	38.031.660
2028	0,70%	1.267.722.000	8.874.054	82.401.930	8.874.054
2029	0,75%	1.267.722.000	9.507.915	91.909.845	9.507.915
2030	2,46%	1.267.722.000	31.185.961	123.095.806	31.185.961

DRAFT

Bước 6 – Xác định Tổng Số CQTH (F) (Khoản 5 Mục V):

Năm đánh giá	Tổng Số Cổ Phiếu THQ (E) được áp dụng	Số Cổ Phần Được Mua (cổ phần/01 CQ)	Tổng Số CQTH (F) (chứng quyền)	Tổng Số CQTH lũy kế (chứng quyền)
2026	35.496.216	1.267	28.015	28.015
2027	38.031.660	1.267	30.017	58.032
2028	8.874.054	1.267	7.003	65.035
2029	9.507.915	1.267	7.504	72.539
2030	31.185.961	1.267	24.614	97.153

Trong ví dụ minh họa, Tổng Số Cổ Phiếu THQ lũy kế của cả 05 (năm) năm đánh giá là 123.095.806 cổ phần, không vượt quá mức trần lũy kế 126.700.000 cổ phần theo Khoản 5 Mục IV; Tổng Số CQTH lũy kế là 97.153 chứng quyền, không vượt quá tổng số 100.000 chứng quyền đã phát hành theo Khoản 5 Mục V. Do đó, Tổng Số Cổ Phiếu THQ và Tổng Số CQTH của từng năm đánh giá đều được áp dụng đúng bằng giá trị tính theo công thức.

2.3 Xác định Số CQTH cho mỗi Trái Phiếu và phân bổ số chứng quyền được thực hiện đến từng người tham gia:

Bước 7 – Xác định Số CQTH cho mỗi Trái Phiếu theo Khoản 6 Mục V: Số CQTH/Trái phiếu = Tổng Số CQTH mỗi năm (F) ÷ 1.000 Trái Phiếu, được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và được xác định thống nhất cho tất cả các Trái Phiếu.

Bước 8 – Xác định Tổng số CQTH của từng người tham gia theo Khoản 6 Mục V: bằng Số CQTH/Trái phiếu nhân với số lượng Trái Phiếu mà người đó đang nắm giữ tại thời điểm xác định điều kiện thực hiện quyền. Số cổ phần mà người tham gia được mua khi thực hiện quyền bằng số chứng quyền được thực hiện nhân với Số Cổ Phần Được Mua.

Áp dụng vào các số liệu giả định, Số CQTH/Trái phiếu của từng năm đánh giá được xác định như sau:

Năm đánh giá	Tổng Số CQTH (F) (chứng quyền)	Tổng số Trái Phiếu phát hành	Số CQTH/Trái phiếu tính được	Số CQTH/Trái phiếu được áp dụng (làm tròn xuống)
2026	28.015	1.000	28,015	28
2027	30.017	1.000	30,017	30
2028	7.003	1.000	7,003	7

DRAFT

Năm đánh giá	Tổng Số CQTH (F) (chứng quyền)	Tổng số Trái Phiếu phát hành	Số CQTH/Trái phiếu tính được	Số CQTH/Trái phiếu được áp dụng (làm tròn xuống)
2029	7.504	1.000	7,504	7
2030	24.614	1.000	24,614	24

Phần chứng quyền dôi dư do làm tròn xuống khi xác định Số CQTH/Trái phiếu theo Khoản 6 Mục V không được thực hiện trong năm đánh giá tương ứng và không được cộng dồn sang các năm tiếp theo. Theo đó, tổng số chứng quyền được thực hiện của cả Chương trình TPCQ là 96.000 chứng quyền, tương ứng 96 chứng quyền cho mỗi Trái Phiếu.

Tiếp theo, việc phân bổ số chứng quyền được thực hiện đến từng người tham gia của kỳ đánh giá năm 2027 (tương ứng năm đánh giá 2026, với Số CQTH/Trái phiếu là 28 chứng quyền) được xác định như sau:

STT	Người tham gia	Số Trái Phiếu nắm giữ	Số CQTH được phân bổ (= 28 × số Trái Phiếu nắm giữ)	Số cổ phần được mua (= số CQTH × 1.267)
1	Đoàn Văn Hiếu Em	395	11.060	14.013.020
2	Trần Văn Hoàng	54	1.512	1.915.704
3	Phùng Ngọc Tuyên	54	1.512	1.915.704
4	Trương Hồng Hoàng	47	1.316	1.667.372
5	Quách Vĩnh Nam	167	4.676	5.924.492
6	Đoàn Trung Hiếu	67	1.876	2.376.892
7	Hoàng Khánh Chi	41	1.148	1.454.516
8	Nguyễn Bá Tín	22	616	780.472
9	Lê Minh Tú	12	336	425.712
10	Đỗ Nguyễn Minh Viễn	24	672	851.424
11	Hoàng Hữu Hưng	24	672	851.424
12	Lê Thảo Trang	21	588	744.996
13	Võ Thị Kim Phụng	21	588	744.996
14	Võ Lê Giang	31	868	1.099.756
15	Võ Thị Phương Thảo	20	560	709.520

DRAFT

STT	Người tham gia	Số Trái Phiếu nắm giữ	Số CQTH được phân bổ (= 28 × số Trái Phiếu nắm giữ)	Số cổ phần được mua (= số CQTH × 1.267)
	Tổng cộng	**1.000**	**28.000**	**35.476.000**

DRAFT

2.4 Tổng hợp số chứng quyền được thực hiện của từng người tham gia trong cả Chương trình TPCQ:

STT	Người tham gia	Số TP nắm giữ	Kỳ 2027	Kỳ 2028	Kỳ 2029	Kỳ 2030	Kỳ 2031	Tổng cộng
1	Đoàn Văn Hiếu Em	395	11.060	11.850	2.765	2.765	9.480	37.920
2	Trần Văn Hoàng	54	1.512	1.620	378	378	1.296	5.184
3	Phùng Ngọc Tuyên	54	1.512	1.620	378	378	1.296	5.184
4	Trương Hồng Hoàng	47	1.316	1.410	329	329	1.128	4.512
5	Quách Vĩnh Nam	167	4.676	5.010	1.169	1.169	4.008	16.032
6	Đoàn Trung Hiếu	67	1.876	2.010	469	469	1.608	6.432
7	Hoàng Khánh Chi	41	1.148	1.230	287	287	984	3.936
8	Nguyễn Bá Tín	22	616	660	154	154	528	2.112
9	Lê Minh Tú	12	336	360	84	84	288	1.152
10	Đỗ Nguyễn Minh Viễn	24	672	720	168	168	576	2.304
11	Hoàng Hữu Hưng	24	672	720	168	168	576	2.304
12	Lê Thảo Trang	21	588	630	147	147	504	2.016
13	Võ Thị Kim Phụng	21	588	630	147	147	504	2.016
14	Võ Lê Giang	31	868	930	217	217	744	2.976

DRAFT

STT	Người tham gia	Số TP nắm giữ	Kỳ 2027	Kỳ 2028	Kỳ 2029	Kỳ 2030	Kỳ 2031	Tổng cộng
15	Võ Thị Phương Thảo	20	560	600	140	140	480	1.920
	Tổng cộng	**1.000**	**28.000**	**30.000**	**7.000**	**7.000**	**24.000**	**96.000**

DRAFT

Theo bảng tổng hợp trên, tổng số chứng quyền được thực hiện lũy kế của cả Chương trình TPCQ là 96.000 chứng quyền, không vượt quá tổng số 100.000 chứng quyền đã phát hành theo Khoản 5 Mục V; tổng số cổ phần phát hành để thực hiện quyền lũy kế là 121.632.000 cổ phần (= 96.000 chứng quyền × 1.267 cổ phần/01 chứng quyền), không vượt quá mức trần 126.700.000 cổ phần theo Khoản 5 Mục IV.

2.5 Xác định thời hạn thực hiện quyền của từng kỳ đánh giá:

Theo Khoản 2 Mục VI và Khoản 3 Mục VI của Phương án này, định kỳ hằng năm HĐQT ban hành nghị quyết xác định mức độ hoàn thành các Chỉ tiêu của năm đánh giá liền trước; người tham gia đủ điều kiện được thực hiện chứng quyền trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày ban hành nghị quyết, và trường hợp thời hạn này kết thúc sau ngày đáo hạn trái phiếu thì thời hạn thực hiện chứng quyền chỉ được tính đến ngày đáo hạn trái phiếu.

Với giả định HĐQT họp và ban hành nghị quyết xác nhận điều kiện thực hiện quyền vào ngày 15/4 hằng năm, Ngày phát hành Trái phiếu là 31/12/2026 và Ngày đáo hạn Trái phiếu là 31/12/2031, và với nguyên tắc các mốc thời hạn được xác định vào ngày làm việc (nếu ngày 15/4 hoặc ngày hết hạn rơi vào ngày nghỉ thì ngày ban hành nghị quyết được chuyển sang ngày làm việc liền sau và hạn cuối thực hiện quyền được chuyển về ngày làm việc liền trước), thời hạn thực hiện quyền của từng kỳ đánh giá được xác định như sau:

Kỳ đánh giá	Năm đánh giá	Ngày HĐQT ban hành NQ (ngày làm việc)	Hạn 24 tháng kể từ ngày ban hành NQ	Ngày đáo hạn Trái phiếu	Hạn cuối thực hiện quyền của kỳ đánh giá
2027	2026	15/04/2027	15/04/2029	31/12/2031	13/04/2029
2028	2027	17/04/2028	17/04/2030	31/12/2031	17/04/2030
2029	2028	16/04/2029	16/04/2031	31/12/2031	16/04/2031
2030	2029	15/04/2030	15/04/2032	31/12/2031	31/12/2031
2031	2030	15/04/2031	15/04/2033	31/12/2031	31/12/2031

Theo đó, hai kỳ đánh giá cuối (kỳ 2030 và kỳ 2031) có thời hạn thực hiện quyền ngắn hơn 24 (hai mươi bốn) tháng, lần lượt còn khoảng 20,5 tháng và 8,5 tháng, do thời hạn thực hiện chứng quyền không vượt quá Ngày đáo hạn Trái phiếu theo Khoản 3 Mục VI của Phương án này. Riêng kỳ đánh giá 2027, mốc 24 tháng là ngày 15/04/2029 rơi vào ngày nghỉ nên hạn cuối thực hiện quyền được xác định là ngày làm việc liền trước, tức ngày 13/04/2029. Hết thời hạn nêu trên, phần chứng quyền chưa thực hiện đương nhiên hết hiệu lực và không được cộng dồn sang kỳ sau.

DRAFT

Việc thực hiện quyền của mỗi kỳ được tổ chức tập trung 01 (một) lần theo Khoản 5 Mục VI của Phương án này, tại thời điểm do HĐQT quyết định và không muộn hơn thời hạn thực hiện quyền tương ứng nêu tại bảng trên.

Các số liệu nêu tại Phụ lục này chỉ mang tính minh họa cho nguyên tắc, trình tự và công thức tính toán quy định tại Mục V của Phương án này, không phải là cam kết hoặc dự phóng về kết quả kinh doanh, giá cổ phiếu hay số lượng chứng quyền được thực hiện thực tế. Ví dụ minh họa chưa tính đến các trường hợp điều chỉnh chống pha loãng theo Khoản 10 Mục IV của Phương án này; khi phát sinh sự kiện pha loãng, Số Cổ Phần Được Mua, tổng số cổ phần phát hành để thực hiện quyền và các mức trần tương ứng sẽ được điều chỉnh theo nguyên tắc chống pha loãng và các số liệu thực tế sẽ thay đổi tương ứng.

DRAFT